

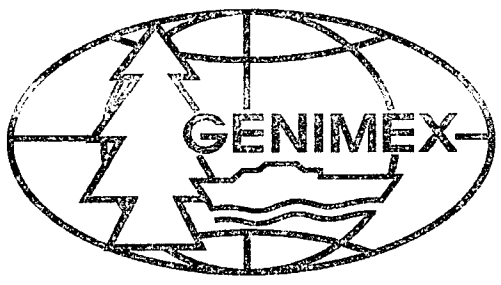
**SAO Y BẢN CHÍNH**  
Ngày.....Tháng.....Năm 20.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

----- ☸ ☉ ☷ -----



*Nguyễn Lê Hằng*



**ĐIỀU LỆ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM SẢN**  
**& XNK TỔNG HỢP BÌNH DƯƠNG**

Số 612 Đại lộ Bình Dương, phường Hiệp Thành, TX Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương  
Điện thoại : (84. 0650) 822612 – 822270 – 820475      Website: [www.genimex.com.vn](http://www.genimex.com.vn)

## MỤC LỤC

CHƯƠNG I.....	6
QUY ĐỊNH CHUNG.....	6
Điều 1: Giải thích từ ngữ.....	6
Điều 2: Tên và hình thức doanh nghiệp.....	7
Điều 3: Trụ sở và địa bàn hoạt động của Công ty.....	7
Điều 4: Tư cách pháp lý và đại diện Công ty.....	8
Điều 5: Mục tiêu thành lập – Chức năng và phạm vi ngành nghề kinh doanh:.....	9
Điều 6: Thời gian hoạt động.....	10
Điều 7: Nguyên tắc tổ chức hoạt động và quản trị, điều hành của Công ty.....	10
CHƯƠNG II.....	11
QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY.....	11
Điều 8: Quyền của công ty.....	11
Điều 9: Nghĩa vụ của Công Ty.....	12
CHƯƠNG III.....	12
VỐN – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU – CỔ ĐÔNG – CỔ TỨC.....	12
MỤC 1 : VỐN.....	12
Điều 10: Vốn điều lệ.....	12
Điều 11: Tăng giảm vốn điều lệ.....	13
MỤC 2 : CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU.....	14
Điều 12: Cổ phần.....	14
Điều 13: Chứng chỉ cổ phiếu.....	14
Điều 15: Chào bán và thu hồi cổ phần.....	15
Điều 16: Chuyển nhượng cổ phần.....	17
Điều 17 : Thừa kế cổ phần.....	17
MỤC 3 : CỔ ĐÔNG.....	18
Điều 18: Quy định chung về cổ đông.....	18

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm Sản & XNK Tổng hợp Bình Dương

Điều 19: Quyền của cổ đông phổ thông.....	18
Điều 20: Nghĩa vụ của cổ đông .....	20
MỤC 4 : CỐ TỨC.....	20
Điều 21: Trả cổ tức .....	20
Điều 22: Thu hồi tiền thanh toán cổ tức.....	22
MỤC 5 : MUA LẠI CỔ PHẦN.....	22
Điều 23: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.....	22
• Điều 24: Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty.....	22
Điều 25: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại .....	23
CHƯƠNG IV.....	24
TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT .....	24
Mục 1 : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....	24
Điều 26: Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 27. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông .....	25
Điều 28. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và Các đại diện được ủy quyền.....	26
Điều 29. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 30. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 31. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông .....	29
Điều 32. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	31
Điều 33. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	32
Điều 34. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	33
Mục 2 : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	34
Điều 35: Hội đồng quản trị .....	34
Điều 36: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	35
Điều 37 : Quyền hạn của Hội đồng quản trị .....	35
Điều 38 : Trách nhiệm của Hội đồng quản trị.....	37

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm Sản & XNK Tổng hợp Bình Dương

Điều 39 : Hoạt động của Hội đồng quản trị .....	37
Điều 40 : Các trường hợp mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị .....	41
Điều 41 : Phân công nhiệm vụ và quyền hạn giữa các thành viên trong Hội đồng quản trị .....	42
Điều 42 : Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị.....	43
Mục 3 : BAN GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC .....	44
Điều 43 : Bộ máy điều hành công ty. ....	44
Điều 44 : Giám Đốc .....	44
Điều 46. Tiêu chuẩn tuyển chọn Giám đốc Công ty.....	47
Điều 47. Từ nhiệm và đương nhiên mất tư cách Giám đốc. ....	47
Mục 4 : BAN KIỂM SOÁT.....	47
Điều 48. Ban kiểm soát .....	47
Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát.....	48
Điều 50. Từ chức, từ nhiệm và mất tư cách thành viên Ban kiểm soát.....	48
Điều 51. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.....	49
Điều 52. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát .....	51
Mục 5: QUY ĐỊNH CHUNG ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY .....	52
Điều 53. Nghĩa vụ của người quản lý công ty.....	52
Điều 54. Các trường hợp đặc biệt.....	52
CHƯƠNG V .....	
TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG.....	53
Điều 55. Tổ chức Đảng – Công đoàn – Đoàn thanh niên .....	53
Điều 56: Người lao động .....	55
CHƯƠNG VI.....	56
CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN.....	56
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN – LẬP QUỸ .....	56
Điều 57. Hệ thống kế toán, hạch toán kế toán – tài chính .....	56
Điều 58. Đối tượng và những nguyên tắc đầu tư.....	57

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm Sản & XNK Tổng hợp Bình Dương

Điều 59. Phân cấp quyền hạn tài chính.....	57
Điều 60. Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ .....	57
Điều 61. Xử lý trong trường hợp kinh doanh thua lỗ .....	58
Điều 62. Kiểm toán .....	58
Điều 63. Báo cáo thường niên, trách nhiệm công bố thông tin, thông báo ra công chúng..	58
CHƯƠNG VII.....	59
TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, THANH LÝ, TRANH TỤNG.....	59
Điều 64. Tổ chức lại Công ty .....	59
Điều 65. Giải thể – thủ tục giải thể .....	60
Điều 66. Hội đồng thanh lý .....	61
Điều 67. Tố tụng, tranh chấp .....	62
Điều 68. Điều khoản thi hành.....	62
Điều 69. Sửa đổi bổ sung điều lệ.....	63
Điều 70. Con dấu .....	63
Điều 71. Đăng ký điều lệ.....	63
Điều 72. Chữ ký của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo pháp luật của công ty./.	64



## CHƯƠNG I

### QUY ĐỊNH CHUNG

Điều lệ này được Công ty Cổ phần Lâm sản và Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương (dưới đây gọi là Công ty) thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 22 tháng 04 năm 2008.

Bản điều lệ này sẽ chi phối toàn bộ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm sản và Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương và đồng thời có hiệu lực chấp hành đối với bất kỳ ai tham gia vào Công ty sau này.

#### Điều 1: Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
  - a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 10 của Điều lệ này.
  - b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
  - c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.
  - d. "Cán bộ quản lý" là Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành, Phó giám đốc hoặc Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng, phó các bộ phận trực thuộc và giám đốc các xí nghiệp trực thuộc.
  - e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.
  - f. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 6 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
  - g. Nhóm cổ đông đa số: Là cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng, theo quy định tại khoản 2 điều 19 của bản điều lệ này.
  - h. "Việt Nam" là nước Cộng Hoà Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

**Điều 2: Tên và hình thức doanh nghiệp**

1. Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM SẢN & XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP BÌNH DƯƠNG**  
Tên giao dịch: **GENIMEX CORPORATION**  
Tên viết tắt: **GENIMEX.**
2. Hình thức doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM SẢN & XNK TỔNG HỢP BÌNH DƯƠNG** (sau đây gọi tắt là Công ty ) được thành lập dưới hình thức là công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI thông qua ngày 29/11/2005.

..

**Điều 3: Trụ sở và địa bàn hoạt động của Công ty**

1. Trụ sở đăng ký của công ty là:
  - Địa chỉ: Số 612 Đại lộ Bình Dương, Phường Hiệp Thành, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
  - Điện thoại: (0650) 822612 - 822243 - 822270 - 820475
  - Fax: (0650) 824113
  - Email: [genimex@.hcm.vnn.vn](mailto:genimex@.hcm.vnn.vn)
  - Website: [www.genimex.com.vn](http://www.genimex.com.vn)
2. Chi nhánh Công ty & Xí nghiệp trực thuộc Công ty
  - a- **CHI NHÁNH CÔNG TY TẠI TỈNH BÌNH PHƯỚC:**
    - Địa chỉ: Quốc lộ.14P, Phường Tân Bình Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.
    - Điện thoại: (0651) 870917
    - Fax: (0651) 870918
  - b- **XÍ NGHIỆP KINH DOANH CHẾ BIẾN LÂM SẢN XUẤT KHẨU**
    - Địa chỉ : Đường 30/4, Phường Phú Thọ, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
    - Điện thoại : (0650) 833858
    - Fax : (0650) 822710
  - c- **XÍ NGHIỆP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG**
    - Địa chỉ : 612 Đại lộ Bình Dương, Phường Hiệp Thành, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

d- XÍ NGHIỆP TƯ VẤN GIAO THÔNG

- Địa chỉ : 612 Đại lộ Bình Dương, Phường Hiệp Thành, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Việc dời trụ sở của Công ty trong phạm vi tỉnh Bình Dương do Hội đồng quản trị Công ty quyết định; nếu dời trụ sở đến tỉnh khác thì phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định, và trong mọi trường hợp đều phải thông báo, đăng ký tại Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật.

3. Công ty được phép lập chi nhánh, văn phòng đại diện trong phạm vi cả nước và ở nước ngoài (nếu có) theo quyết định của Hội đồng quản trị và thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. Việc đặt chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài phải tuân theo pháp luật của Việt Nam và nước sở tại.

**Điều 4: Tư cách pháp lý và đại diện Công ty**

**A. Tư cách pháp lý <sup>1</sup>**

1. Công ty là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần, trong đó vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần, do các cổ đông cùng đóng góp.

Công ty được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan, chịu sự quản lý của các cơ quan có thẩm quyền theo luật định.

2. Công ty là một tổ chức kinh tế độc lập:
- Có tư cách pháp nhân theo luật định kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
  - Có con dấu riêng, được đăng ký mở tài khoản tại các ngân hàng thương mại trong và ngoài nước theo luật định.
  - Có tài sản độc lập với các cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó.
  - Có bản cân đối kế toán riêng, tự chủ về tài chính, hạch toán kinh tế độc lập, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh và được trích lập các quỹ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
  - Nhân danh mình tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách độc lập, tự quyết định mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

<sup>1</sup> Theo Điều 77 – Luật DN



**B. Đại diện của Công ty**

1. Đại diện của Công ty có thể là đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị.
3. Đại diện theo pháp luật của Công ty có thể ủy quyền cho người khác thay mình thực hiện nhiệm vụ đại diện.
4. Đại diện theo ủy quyền của Công ty chấm dứt trong các trường hợp sau đây:
  - Hết thời hạn ủy quyền hoặc công việc được ủy quyền đã hoàn thành.
  - Người đại diện theo pháp luật của Công ty hủy bỏ việc ủy quyền.
  - Pháp nhân chấm dứt.

**Điều 5: Mục tiêu thành lập – Chức năng và phạm vi ngành nghề kinh doanh:**

1. Mục tiêu

Sử dụng nguồn vốn, khả năng quản lý, lao động và uy tín của các cổ đông và CB.CNV nhằm phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong phạm vi ngành nghề đã đăng ký để tối đa hóa lợi nhuận, tạo công ăn việc làm ổn định, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống cho người lao động, gia tăng lợi tức cho các cổ đông, góp phần đem lại hiệu quả kinh tế – xã hội, phát triển địa phương, đóng góp tích cực vào Ngân sách Nhà Nước và tích lũy tái đầu tư để phát triển công ty ngày một lớn mạnh.

2. Chức năng

a. Phạm vi kinh doanh

Liên doanh, liên kết, hợp tác với các đơn vị kinh tế trong và ngoài nước để thực hiện hoạt động kinh doanh có hiệu quả theo đúng ngành nghề đã đăng ký.

Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty.

b. Ngành, nghề kinh doanh

- Khai thác, sản xuất chế biến, kinh doanh, lâm sản, nông sản các loại.
- Xuất khẩu nông sản, lâm sản, súc sản, hàng tiêu dùng và hàng thủ công mỹ nghệ.
- Nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư, hoá chất phục vụ sản xuất, phương tiện vận tải và hàng hoá tiêu dùng.
- Dịch vụ vận chuyển và giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu.

## Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm Sản & XNK Tổng hợp Bình Dương

- Thiết kế kiến trúc các công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế quy hoạch xây dựng, kiến trúc cảnh quan; Thiết kế công trình cấp thoát nước. Thiết kế công trình xử lý nước cấp, nước thải.
- Thiết kế công trình giao thông cầu đường bộ, mặt đường, bến bãi; Thiết kế công trình đường giao thông đô thị
- Tư vấn, khảo sát (địa chất, địa hình), thiết kế, giám sát, thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật, các công trình dân dụng công nghiệp, cầu đường giao thông, thủy lợi, lắp đặt đường dây điện, trạm biến thế, hệ thống chiếu sáng, hệ thống cấp thoát nước đô thị thuộc dự án nhóm B.
- Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công và tổng dự toán công trình.
- Tư vấn đầu tư. Tư vấn quản lý dự án.
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng và chất lượng công trình.
- Khai hoang và thi công san lấp mặt bằng.
- Sản xuất cơ khí xây dựng.
- Kinh doanh BOT các công trình giao thông.
- Kinh doanh địa ốc, cho thuê nhà xưởng và máy móc thiết bị.
- Đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và khu dân cư.
- Khai thác, kinh doanh khoáng sản phi kim loại.
- Sản xuất tole, xà gỗ, tấm trần nhựa.
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, hàng trang trí, nội thất, máy móc thiết bị, hàng tiêu dùng và hoá chất (keo, sơn, vecni), vật tư nông nghiệp.
- Tư vấn đấu thầu các công trình xây dựng và giao thông

### **Điều 6: Thời gian hoạt động**

Thời gian hoạt động của Công ty là 50 năm (kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu). Việc chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoặc gia hạn thời gian hoạt động của Công ty phải do Đại hội đồng cổ đông quyết định và tiến hành đúng trình tự thủ tục theo Luật Doanh nghiệp quy định.

### **Điều 7: Nguyên tắc tổ chức hoạt động và quản trị, điều hành của Công ty**

1. Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.
2. Các cổ đông của Công ty được hưởng lợi nhuận và phải chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp của mình trong Công ty.
3. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội Đồng cổ đông.



Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm Sản & XNK Tổng hợp Bình Dương

4. Đại hội Đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.
5. Điều hành hoạt động của Công ty là Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó tổng giám đốc và các chức danh chủ chốt theo cơ cấu tổ chức của Công ty do Tổng Giám đốc đề nghị và Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm.
6. Công ty cổ phần không chịu trách nhiệm về bất cứ khoản nợ và nghĩa vụ nào của cổ đông tham gia ngoài công ty.

## CHƯƠNG II

### QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

#### Điều 8: Quyền của công ty<sup>2</sup>

Công Ty có các quyền cơ bản theo luật định như sau :

1. Tự chủ kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh; được Nhà nước khuyến khích, ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.
2. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.
3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.
4. Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.
5. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.
6. Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.
7. Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ.
8. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.
9. Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định.
10. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.
11. Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.
12. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

<sup>2</sup> Theo Điều 8 – Luật DN



**Điều 9: Nghĩa vụ của Công Ty<sup>3</sup>**

1. Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.
2. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán.
3. Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
4. Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.
5. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.
6. Thực hiện chế độ thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo mẫu quy định; khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.
7. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh.
8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**CHƯƠNG III**

**VỐN – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU – CỔ ĐÔNG – CỔ TỨC**

**MỤC 1 : VỐN**

**Điều 10: Vốn điều lệ**

1. Vốn điều lệ của Công ty được góp bằng tiền hoặc bằng hiện vật và được hạch toán, theo dõi bằng một đơn vị thống nhất là đồng Việt Nam.
2. Vào ngày thông qua điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là: 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng chẵn) tương đương 2.500.000 cổ phần; mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng.
3. Vốn điều lệ của Công ty do các cổ đông đóng góp tự nguyện, mỗi cổ đông đều hoàn toàn chịu trách nhiệm về nguồn gốc vốn góp của mình. Công ty không chịu trách nhiệm về nguồn gốc vốn góp của các cổ đông.
4. Vốn điều lệ được sử dụng cho các mục đích:

<sup>3</sup> Theo điều 9 – Luật DN

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm Sản & XNK Tổng hợp Bình Dương

- a. Mua sắm các loại Tài sản cố định cần thiết và cung cấp vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- b. Phát triển kỹ thuật – nghiệp vụ.
- c. Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn, liên doanh với các đơn vị đối tác khác.
- d. Các dự trữ cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- e. Kinh doanh theo nội dung giấy phép hoạt động của Công ty.
5. Không sử dụng vốn điều lệ để chia lợi tức cổ phần cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định) không trái pháp luật.

Điều 11: Tăng giảm vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty có thể được điều chỉnh theo sát tình hình từng thời kỳ hoạt động của Công ty để đáp ứng yêu cầu kinh doanh và đảm bảo các quyền lợi của các cổ đông. Mọi trường hợp tăng giảm vốn điều lệ phải do Đại hội đồng cổ đông quyết định và phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và được tiến hành theo đúng quy định của pháp luật.
2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
4. Giảm vốn điều lệ: khi nhu cầu về vốn của công ty giảm do công ty thay đổi ngành nghề kinh doanh, tổ chức lại với quy mô nhỏ hơn trước hoặc bị buộc phải hủy bỏ cổ phiếu quỹ.
5. Công ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm và không có bảo đảm khi có phê chuẩn của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông, có thể phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền đặt mua, cho phép người nắm giữ chứng quyền được mua cổ phần khi có phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## MỤC 2 : CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU

### Điều 12: Cổ phần

1. Vốn điều lệ của công ty được chia thành những phần bằng nhau gọi là cổ phần; đó là một đơn vị vốn góp tối thiểu mà mỗi cổ đông tham gia đầu tư vào công ty khi thành lập.
2. Tất cả những cổ phần của công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông<sup>5</sup>. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 19 của Điều lệ này.
3. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

### Điều 13: Chứng chỉ cổ phiếu

1. Cổ phiếu của Công ty là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.
2. Mọi chứng chỉ cổ phiếu phát hành phải được đóng dấu của Công ty, có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác mà Luật Doanh nghiệp quy định. Một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ được đại diện cho một loại cổ phần.
3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh thì chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và một chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
5. Nếu một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy thì một chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người đó với điều kiện phải xuất trình giấy tờ chứng minh quyền sở hữu cổ phần tương ứng và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
6. Tất cả các mẫu chứng chỉ cổ phiếu hoặc trái phiếu hoặc các chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện hiện tại có liên quan đến các chứng chỉ có quy định khác, sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

7. Căn cứ các quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ và cho phép các cổ phần (bất kể là cổ phần có phát hành dưới dạng này hay không) được chuyển nhượng mà không nhất thiết phải có văn bản chuyên nhượng hoặc tùy từng thời điểm Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định khác thay thế cho các quy định tương ứng trong Điều lệ này về chứng chỉ và chuyên nhượng cổ phần.

**Điều 14: Sổ đăng ký cổ đông<sup>4</sup>**

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử trên máy tính hoặc cả hai
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở của Công ty
  - b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán, số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
  - c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.
  - d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức.
  - e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc nơi khác, nhưng phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả cổ đông biết.
4. Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.

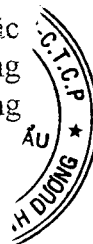
**Điều 15: Chào bán và thu hồi cổ phần<sup>5</sup>**

**A. Chào bán cổ phần**

1. Khi hội đủ các điều kiện theo luật định, căn cứ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty sẽ làm các thủ tục xin cơ quan có thẩm quyền cho phép phát hành cổ phiếu nhằm huy động vốn cho Công ty. Việc phát hành thêm cổ phần mới phải được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và được Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị

<sup>4</sup> Theo điều 86 – Luật DN

<sup>5</sup> Theo điều 87 – Luật DN



Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm Sản & XNK Tổng hợp Bình Dương

trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

- a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập.
  - b. Cổ phần chào bán cho các cổ đông theo tỉ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty.
  - c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này giá chào bán cổ phần không thấp hơn giá thị trường trừ đi phần hoa hồng dành cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Hoa hồng được xác định bằng tỉ lệ % của giá trị cổ phần tại thời điểm chào bán. Tỷ lệ chiết khấu (%) cụ thể phải được sự chấp thuận của cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 36 của Luật Doanh nghiệp được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty.
  4. Sau khi cổ phần được bán, công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 86 của Luật Doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong công ty.
  5. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**B. Thu hồi cổ phần đã bán**

1. Trong trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua cổ phần, thì Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải quy định thời hạn thanh toán là 10 ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền





Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm Sản & XNK Tổng hợp Bình Dương

lãi theo tỷ lệ (không quá 12% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

**Điều 16: Chuyển nhượng cổ phần**

1. Chuyển nhượng cổ phần là quá trình chuyển quyền sở hữu dưới mọi hình thức như mua bán, biếu tặng, cho, thừa kế... từ cổ đông này sang một cổ đông khác hoặc một người khác không phải là cổ đông. Người chuyển nhượng và người được chuyển nhượng phải ký hợp đồng hoặc có chứng thư xác nhận việc chuyển nhượng.
2. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp do Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này quy định. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ cổ đông.

Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

3. Cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được chuyển nhượng trong thời gian đương nhiệm, trong trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng phải được sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông.
4. Cổ phiếu của loại cổ phần do Nhà nước bán với giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp thành Công ty cổ phần là loại cổ phiếu có ghi tên và được chuyển nhượng, thừa kế theo Luật quy định.
5. Cổ phiếu của mọi cổ đông không được mang ra thế chấp, cầm cố để vay mượn tài sản của Công ty.
6. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán/Trung tâm Giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch chứng khoán/Trung tâm Giao dịch chứng khoán.
7. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.

**Điều 17: Thừa kế cổ phần**

1. Công ty tôn trọng quyền thừa kế cổ phần theo Luật Dân sự Việt nam quy định.

**Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm Sản & XNK Tổng hợp Bình Dương**

2. Trong trường hợp cổ đông qua đời, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất :
  - a. Người thừa kế duy nhất theo luật định.
  - b. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử duy nhất một đại diện bằng thủ tục ủy quyền có công chứng nhằm thực hiện quyền của cổ đông. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế.
3. Người có quyền thừa kế hợp pháp được đăng ký quyền sở hữu các cổ phần được thừa kế để trở thành cổ đông mới, được hưởng mọi quyền lợi và phải gánh chịu nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế.
4. Cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát cũng được tự do thừa kế nhưng người thụ nhận thừa kế chỉ được thừa kế quyền sở hữu cổ phiếu, không thể đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

**MỤC 3 : CỔ ĐÔNG**

**Điều 18: Quy định chung về cổ đông**

1. Cổ đông của Công ty có thể là những tổ chức có tư cách pháp nhân hoặc các cá nhân đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty và có đủ điều kiện góp vốn đầu tư vào Công ty theo luật định. Trong suốt thời gian hoạt động, Công ty phải luôn có tối thiểu ba cổ đông.
2. Các quyền và lợi ích hợp pháp của người góp vốn với hình thức mua cổ phần của Công ty sẽ được Nhà nước công nhận và bảo hộ bởi luật pháp hiện hành.
3. Cổ đông được công nhận chính thức sau khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Công ty.
4. Cổ đông sáng lập là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty<sup>6</sup>. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông được gọi là cổ đông phổ thông.

**Điều 19: Quyền của cổ đông phổ thông<sup>7</sup>**

1. Quyền của mọi cổ đông phổ thông nói chung:
  - a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
  - b. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;

<sup>6</sup> Theo khoản 11 – điều 4 – Luật DN

<sup>7</sup> Theo điều 79 – Luật DN

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm Sản & XNK Tổng hợp Bình Dương

- d. Được tự do chuyên nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Doanh nghiệp;
  - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
  - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
  - g. Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty;
  - h. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có các quyền sau đây:
- a. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
  - c. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;
  - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
  - e. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:
- a. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
  - b. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm

**Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm Sản & XNK Tổng hợp Bình Dương**

cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

4. Cổ đông can án hoặc phá sản mà vụ việc không liên quan trực tiếp đến Công ty vẫn được tiếp tục hưởng các quyền lợi ở Công ty tương ứng với số cổ phần mình đang sở hữu.

**Điều 20: Nghĩa vụ của cổ đông<sup>8</sup>**

1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ công ty.
3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
4. Giám sát và góp ý kiến về hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám Đốc.
5. Cổ đông tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc vốn góp.
6. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty.
7. Sự vỡ nợ hay can án của cổ đông không làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, nhưng phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Công ty.

**MỤC 4 : CỔ TỨC**

**Điều 21: Trả cổ tức<sup>9</sup>**

1. Cổ tức là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.
2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

<sup>8</sup> Theo điều 80 – Luật DN

<sup>9</sup> Theo điều 93 – Luật DN



Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm Sản & XNK Tổng hợp Bình Dương

ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.
6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.
8. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó



## Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm Sản & XNK Tổng hợp Bình Dương

được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.

9. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty. Trừ trường hợp có thỏa thuận trước trong chứng thư mua bán đã được Công ty xác nhận.
10. Tùy thuộc vào tình hình hiệu quả kinh doanh cho phép, Hội đồng quản trị có thể quyết định ứng trước cổ tức cho các cổ đông theo từng hạn quý, 6 tháng hoặc một năm.

### Điều 22: Thu hồi tiền thanh toán cổ tức

Trường hợp việc thanh toán tiền cổ tức trái với quy định của pháp luật thì các cổ đông đã nhận cổ tức phải hoàn trả lại cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận. Nếu có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và các thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông chưa được hoàn lại.

## **MỤC 5 : MUA LẠI CỔ PHẦN**

### Điều 23: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông<sup>10</sup>

1. Các cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình nếu có biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền và nghĩa vụ của cổ đông quy định trong điều lệ.

Yêu cầu này phải lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nêu tại khoản 1 Điều này.

2. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định trong một quy chế riêng của Công ty. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

### Điều 24: Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty<sup>11</sup>

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần loại khác đã bán theo quy định sau đây:

<sup>10</sup> Theo điều 90 - Luật DN

<sup>11</sup> Theo điều 91 - Luật DN

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm Sản & XNK Tổng hợp Bình Dương

1. Việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.
2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm giao dịch, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu các cổ đông có liên quan không có thỏa thuận nào khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm giao dịch.
3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ trong Công ty. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

**Điều 25: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại**<sup>12</sup>

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán hết các cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 23 và Điều 24 của Điều lệ này, nếu ngay sau khi thanh toán, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.
2. Tất cả các cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 23 và Điều 24 của Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.
3. Sau khi thanh toán hết các cổ phần được mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo điều đó cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán hết các cổ phần được mua lại.

<sup>12</sup> Theo điều 92 – Luật DN

## CHƯƠNG IV

### TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT

#### MỤC 1 : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

##### Điều 26: Đại hội đồng cổ đông<sup>13</sup>

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

1. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;
  - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
  - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 19.2 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
  - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
  - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
  - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 2c Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 2d và 2e Điều này.

<sup>13</sup> Theo Điều 96 – Luật DN



- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3a Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 2d Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

- d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

**Điều 27. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông<sup>14</sup>**

- 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
  - a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
  - b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
  - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
  - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
- 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
  - a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
  - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
  - d. Lựa chọn công ty kiểm toán;
  - e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành;
  - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

<sup>14</sup> Theo Điều 96 – Luật DN



**Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm Sản & XNK Tổng hợp Bình Dương**

- g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
  - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
  - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
  - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
  - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
  - l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
  - m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
  - n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
  - o. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng quy định tại Điều 27.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
  - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 28. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và Các đại diện được ủy quyền<sup>15</sup>**

- 1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
- 2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
  - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;

<sup>15</sup> Theo Điều 101 – Luật DN

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm Sản & XNK Tổng hợp Bình Dương

- b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;
- c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
  - a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
  - c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

**Điều 29. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông<sup>16</sup>**

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 26.3b hoặc Điều 26.3c.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
  - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
  - b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
  - c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các

<sup>16</sup> Theo Điều 97, 99, 100 – LuậtDN

cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 19.2 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất [ba] ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều này trong các trường hợp sau:
  - a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
  - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;
  - c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.
6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

### **Điều 30. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông<sup>17</sup>**

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.

<sup>17</sup> Theo Điều 102 – Luật DN

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 29.3 của Điều lệ này.

**Điều 31. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông<sup>18</sup>**

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.
3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

<sup>18</sup> Theo Điều 103 – Luật DN

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

• • •
7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.
10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
  - a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
  - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
  - a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);



Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm Sơn & XNK Tổng hợp Bình Dương

- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

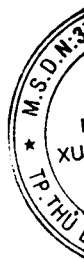
12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 32. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông<sup>19</sup> . . .

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3b của điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
  - a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
  - b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty
  - c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành.
3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:
  - a. Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định;
  - b. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
  - c. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội

<sup>19</sup> Theo Điều 104 – Luật DN



Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm Sản & XNK Tổng hợp Bình Dương

đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
5. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.
6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

**Điều 33. Thảm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**<sup>20</sup>

Thảm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;
  - b. Mục đích lấy ý kiến;
  - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

<sup>20</sup> Theo Điều 105 – Luật DN



g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 34. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông<sup>21</sup>**

1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ

<sup>21</sup> Theo Điều 106, 107 -- Luật DN

đồng trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

2. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
  - a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;
  - b. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

## **Mục 2 : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 35: Hội đồng quản trị**<sup>22</sup>

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
3. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 5 (năm) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người, do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm, bằng hình thức trực tiếp bỏ phiếu kín. Thành viên của Hội đồng quản trị được trúng cử với đa số phiếu tính theo số cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng phải đạt tín nhiệm của các cổ đông đại diện cho ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết hiện diện tán thành.

Hội đồng quản trị bầu và bãi miễn trong số các thành viên của Hội đồng quản trị vào cơ quan thường trực của Hội đồng quản trị gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, một Phó chủ tịch Hội đồng quản trị và một ủy viên thường trực Hội đồng quản trị, để tiếp nhận công việc, xử lý thường trực và trình Hội đồng quản trị giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Thường trực Hội đồng quản trị quyết định và ban hành văn bản điều hành Công ty trong phạm vi ủy quyền của Hội đồng quản trị.

4. Các thành viên Hội đồng quản trị (kể cả Chủ tịch Hội đồng quản trị), đều có thể kiêm Giám đốc Công ty.

<sup>22</sup> Theo Điều 108, 109 – Luật DN

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm Sản & XNK Tổng hợp Bình Dương

5. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trong nhiệm kỳ, Đại hội đồng cổ đông có thể bãi miễn và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị thay thế cho đến hết nhiệm kỳ.
6. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.
7. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

**Điều 36: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị**<sup>23</sup>

Thành viên Hội đồng quản trị phải là người có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau :

1. Có năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
2. Phải có trình độ học vấn hoặc có kinh nghiệm, năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp.
3. Có sức khỏe tốt, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành luật pháp và điều lệ Công ty.
4. Là cổ đông hoặc là người đại diện hợp pháp cho cổ đông pháp nhân. Sở hữu hoặc đại diện cho nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần 10% vốn điều lệ trở lên trong thời hạn liên tục 6 tháng.

**Điều 37: Quyền hạn của Hội đồng quản trị**<sup>24</sup>

1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
3. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
4. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
5. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Luật Doanh nghiệp;
6. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư mới, mở rộng sản xuất kinh doanh;

<sup>23</sup> Theo Điều 110 – Luật DN

<sup>24</sup> Theo Điều 108 – Luật DN



Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm Sản & XNK Tổng hợp Bình Dương

7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp;
8. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
9. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
10. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
11. Quyết định các loại định mức kinh tế kỹ thuật – kế hoạch kinh doanh hàng năm và phương án trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật .... do Giám đốc Công ty đệ trình.
12. Quyết định ban hành các quy chế về: tiền lương, khen thưởng, kỷ luật tuyển dụng, cho thôi việc nhân viên của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật. Quyết định mức bồi thường vật chất khi nhân viên gây thiệt hại cho Công ty.
13. Ấn định về việc trích lập các quỹ thuộc thẩm quyền và cách thức sử dụng quỹ theo quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông.
14. Hội đồng quản trị có thể đình chỉ các quyết định của Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm điều lệ, nghị quyết và các quy định của Hội đồng quản trị hoặc làm phương hại đến lợi ích của Công ty.
15. Xem xét và ủy quyền cho Giám đốc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi và tài sản của Công ty.
16. Xem xét quyết định việc chuyển nhượng các cổ phiếu có ghi danh quy định Hội đồng quản trị không được phép – trực tiếp hay gián tiếp – cho vay hay cho mượn tài sản Công ty để thế chấp hoặc bảo lãnh nợ cho các đối tượng :
  - a. Cổ đông của Công ty.
  - b. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám Đốc, Phó Giám Đốc và các chức danh chủ chốt theo cơ cấu tổ chức của Công ty.
17. Các quyền hạn khác được quy định cụ thể theo Luật Doanh nghiệp và điều lệ này.



**Điều 38 : Trách nhiệm của Hội đồng quản trị<sup>25</sup>**

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những việc sau :

1. Sau khi Đại hội đồng cổ đông thành lập, những người được bầu vào các chức danh Hội đồng quản trị có trách nhiệm tiếp tục thực hiện những phần việc còn lại của phương án thành lập Công ty.
2. Quản trị công ty theo đúng luật pháp nhà nước, điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật, vi phạm điều lệ, những sai phạm trong quản trị gây thiệt hại cho Công ty.
3. Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát toàn bộ các hoạt động kinh doanh của Giám Đốc Công ty để bảo đảm thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và của Đại hội đồng cổ đông.
4. Khi có yêu cầu, Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp và công bố các thông tin tài liệu cần thiết, trả lời các câu hỏi chất vấn của Ban kiểm soát, các cổ đông, các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo luật định và theo điều lệ này.
5. Chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu và tổ chức Đại hội đồng cổ đông định kỳ và bất thường. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản thông qua quyết định.
6. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề :
  - a. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - b. Kiến nghị các chiến lược và kế hoạch phát triển trung – dài hạn của Công ty; chiến lược và kế hoạch huy động vốn.
  - c. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh, báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức.
  - d. Kiến nghị mức cổ tức được trả, thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc quyết định xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
  - e. Kiến nghị sửa đổi hoặc bổ sung điều lệ công ty, kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.
  - f. Đề án thực hiện nhiệm vụ đối ngoại và quan hệ với các đối tác.
7. Các trách nhiệm khác được quy định cụ thể theo Luật Doanh nghiệp và điều lệ này.

**Điều 39 : Hoạt động của Hội đồng quản trị<sup>26</sup>**

<sup>25</sup> Theo Điều 108 – Luật DN

<sup>26</sup> Theo Điều 112, 113 – Luật DN

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
  - a. Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;
  - b. Hai thành viên Hội đồng quản trị;
  - c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
  - d. Đa số thành viên Ban kiểm soát.
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.
9. Biểu quyết.
  - a. Trừ quy định tại Khoản 9b Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
  - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
  - c. Theo quy định tại Khoản 9d Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
  - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó thì được quy định như sau:
    - Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
    - Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 50% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại

cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc họp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.
12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
  - a. Nghe từng thành viên. Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
  - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:
  - a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyên biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười





ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

**Điều 40: Các trường hợp mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch, Phó chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch, phó chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty thì phải có đơn, văn bản gửi đến Hội đồng quản trị của Công ty. Hội đồng quản trị Công ty sẽ xem xét và quyết định trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn.
2. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:
  - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị
  - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
  - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
  - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
  - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
  - f. Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân.
  - g. Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân.
  - h. Công ty cổ phần bị giải thể trước thời hạn theo quy định của tòa án.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị thì Phó Chủ tịch lên thay; Phó chủ tịch đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị thì Hội đồng quản trị bầu ủy viên thường trực Hội đồng quản



trị làm chủ tịch để đảm nhiệm công việc của Chủ tịch cho đến khi Chủ tịch mới được bầu.

4. Trường hợp cả Chủ tịch, Phó chủ tịch và ủy viên thường trực Hội đồng quản trị đều đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị theo quy định thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị phải cử ngay một thành viên trong số họ để đảm nhận công việc của Chủ tịch. Nếu số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị không đủ 2/3 thì các thành viên này phải cùng với Ban kiểm soát cử ngay một thành viên trong số họ đảm nhận công việc của Chủ tịch Hội đồng quản trị và triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu đủ số lượng các chức danh trong Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên, số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số thành viên quy định trong điều lệ này thì Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3) để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Trong các trường hợp khuyết thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ chờ Đại hội đồng cổ đông gần nhất bầu thành viên mới thay thế cho thành viên đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

**Điều 41 : Phân công nhiệm vụ và quyền hạn giữa các thành viên trong Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nhiệm vụ và quyền hạn như sau<sup>27</sup>:
  - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị và phân công các thành viên thực hiện kiểm tra giám sát hoạt động của Công ty.
  - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các phiên họp thường kỳ hoặc bất thường của Hội đồng quản trị. Đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
  - c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị – dưới những hình thức khác ngoài hình thức cuộc họp.
  - d. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
  - e. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
  - f. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền, theo thứ tự, cho Phó chủ tịch, ủy viên thường trực Hội đồng quản trị hoặc thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

<sup>27</sup> Theo Điều 111 – Luật DN

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm Sản & XNK Tổng hợp Bình Dương

2. Phó chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ do Chủ tịch phân công, thay mặt Chủ tịch thực thi công việc được ủy quyền trong thời gian Chủ tịch vắng mặt.
3. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được Hội đồng quản trị phân công và không ủy quyền cho người khác. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị như sau :
  - a. Nghiên cứu, đánh giá tình hình kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.
  - b. Được quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc và các cán bộ chức danh trong công ty cung cấp đầy đủ mọi thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, về hoạt động của công ty và của các đơn vị trong Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình<sup>28</sup>.
  - c. Tham dự phiên họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những ý kiến của mình.
  - d. Nghiêm túc thực hiện điều lệ của Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên và theo sự phân công của Hội đồng quản trị.
  - e. Nếu có vốn nhà nước tham gia, người trực tiếp quản lý phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Điều 42 : Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
2. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông

<sup>28</sup> Theo Điều 114 – Luật DN

### **Mục 3 : BAN GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC**

#### **Điều 43 : Bộ máy điều hành công ty.**

1. Bộ máy điều hành công ty gồm có:
  - a. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức điều hành quản lý các hoạt động tác nghiệp hàng ngày, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của công ty và thi hành các quyết nghị, quyết định của Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
  - b. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc (số lượng tùy theo nhu cầu và quy mô của Công ty) do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và bãi, miễn nhiệm. Phó Tổng Giám đốc được Tổng Giám đốc phân công và ủy nhiệm quản lý điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của công ty. Phó Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng Giám đốc và cùng chịu trách nhiệm liên đới với Tổng Giám đốc trước Hội đồng quản trị về các phần việc được phân công hoặc ủy nhiệm.
  - c. Cán bộ quản lý các cấp trong cơ cấu tổ chức của Công ty có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong quản lý điều hành công việc của Công ty.
2. Lương và phụ cấp của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh chủ chốt trong cơ cấu tổ chức của Công ty do Hội đồng quản trị ấn định theo quy chế lao động tiền lương, phụ cấp, thưởng phạt trong Công ty và được Hội đồng quản trị quyết định.
3. Nếu Tổng Giám đốc Công ty không phải là thành viên Hội đồng quản trị thì chế độ làm việc căn cứ trên hợp đồng lao động.

#### **Điều 44 : Tổng Giám Đốc**

1. Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và ủy nhiệm các quyền hạn cần thiết để thi hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc thì Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Tổng Giám đốc từ một người trong số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác nhưng không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm, có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Tổng Giám đốc được phép thay mặt công ty trong mọi hoạt động giao dịch với các cơ quan nhà nước và các đơn vị kinh tế đối tác khác. Tổng Giám Đốc là người chịu trách nhiệm liên đới cùng với Chủ tịch Hội đồng quản trị về toàn bộ các hoạt động của Công ty trước pháp luật.
5. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc có thể bị cách chức hoặc bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm Sản & XNK Tổng hợp Bình Dương

- a. Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.
  - b. Từ chức và được Hội đồng quản trị xem xét chấp thuận.
  - c. Tự ý bỏ nhiệm sở, hoặc điều hành Công ty vi phạm pháp luật, không tuân thủ điều lệ của Công ty và các quyết nghị của Hội đồng quản trị, của Đại hội đồng cổ đông.
  - d. Xét thấy không đủ năng lực để đảm nhiệm các chức vụ điều hành Công ty.
  - e. Trở thành các đối tượng bị hạn chế quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo điều 13 Luật Doanh nghiệp.
  - f. Công ty cổ phần bị giải thể trước thời hạn theo quy định của tòa án.
6. Việc cách chức, bãi, miễn nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc phải có sự nhất trí của trên 2/3 thành viên Hội đồng quản trị.

**Điều 45: Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám Đốc<sup>29</sup>**

1. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị; chấp hành luật pháp trong mọi hoạt động.
2. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty;
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
6. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
7. Tuyển dụng lao động;
8. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
9. Dựa vào các quyết định, quy định, quy chế có liên quan đã được Hội đồng quản trị Công ty ban hành để quyết định lương, thưởng phạt và các chế độ phúc lợi đối với người lao động trong Công ty, kể cả các cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc.
10. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch, chương trình hoạt động và các phương án bảo vệ, cạnh tranh, khai thác nguồn lực của Công ty – các phương án huy động vốn cho Công ty để đệ trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

<sup>29</sup> Theo Điều 116 – Luật DN



Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm Sản & XNK Tổng hợp Bình Dương

11. Xây dựng và đệ trình Hội đồng quản trị quy chế định giá bán hàng hóa, sản phẩm của Công ty, các chính sách tiêu chuẩn đầu tư của Công ty nhằm hạn chế rủi ro và phù hợp theo điều kiện kinh tế từng thời kỳ.
12. Đệ trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch đầu tư gián tiếp (mua cổ phiếu, trái phiếu), hoặc đầu tư trực tiếp vào các dự án hợp tác đầu tư với các bên trong và ngoài nước bằng nguồn vốn do Công ty quản lý.
13. Xây dựng và đệ trình Hội đồng quản trị ban hành tất cả các định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá, giá dịch vụ trong nội bộ Công ty. Thực hiện và kiểm tra các phòng ban, các đơn vị trực thuộc thực hiện các quyết định về định mức, tiêu chuẩn, đơn giá.
14. Chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước và lập phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận còn lại của Công ty đệ trình Hội đồng quản trị phê duyệt.
15. Xây dựng và đệ trình Hội đồng quản trị phê duyệt biên chế bộ máy Công ty và phương án điều chỉnh tổ chức; thành lập hoặc giải thể các đơn vị trực thuộc công ty.
16. Ban hành các quyết định, ký kết các hợp đồng kinh tế theo ủy quyền và sự phân cấp quản lý của Hội đồng quản trị – tổ chức điều hành phối hợp và kiểm tra các hoạt động của Công ty theo phương hướng và kế hoạch của Hội đồng quản trị đề ra. Đề xuất với Hội đồng quản trị cách giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài kế hoạch, chương trình.
17. Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh chủ chốt theo cơ cấu tổ chức của Công ty. Phân công và ủy nhiệm cho các Phó giám đốc phụ trách từng lĩnh vực hoạt động.
18. Thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên và đột xuất với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, xây dựng các báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính hàng tháng, quý, 6 tháng và năm đệ trình Hội đồng quản trị phê duyệt.
19. Chuẩn bị đầy đủ báo cáo theo chương trình nghị sự Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát yêu cầu.
20. Đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp bất thường để giải quyết những vấn đề vượt quá thẩm quyền của Tổng Giám đốc hoặc những biến động lớn trong Công ty.
21. Được đưa ra các quyết định vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó; đồng thời phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải quyết tiếp.
22. Tổng Giám đốc không được làm việc cho bất kỳ một tổ chức, cá nhân nào khác.
23. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.



**Điều 46. Tiêu chuẩn tuyển chọn Tổng Giám đốc Công ty**

1. Tổng Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a. Không thuộc các đối tượng được quy định tại Điều 13 Luật Doanh nghiệp.
  - b. Phải có kinh nghiệm, trình độ quản lý và điều hành sản xuất và kinh doanh của Công ty.
  - c. Không kiêm nhiệm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc tại các tổ chức kinh tế khác.
2. Đối với công ty con của công ty có phần vốn góp, cổ phần của Nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ thì ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ.

**Điều 47. Từ nhiệm và đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc.**

1. Khi Tổng Giám Đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị, trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được đơn, Hội đồng quản trị phải xem xét và quyết định.
2. Tổng Giám Đốc đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
  - a. Tự ý bỏ nhiệm sở.
  - b. Trở thành các đối tượng bị hạn chế quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo Điều 13 Luật Doanh nghiệp.
  - c. Công ty cổ phần bị giải thể trước thời hạn theo quy định của tòa án.
3. Trong trường hợp Tổng Giám đốc bị mất tư cách, Hội đồng quản trị phải cử ngay một người có đủ điều kiện để đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc. Trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc Hội đồng quản trị phải tìm ngay người để thay thế và tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.

**Mục 4 : BAN KIỂM SOÁT**

**Điều 48. Ban kiểm soát<sup>30</sup>**

1. Ban kiểm soát là người thay mặt Đại hội đồng cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành của Giám đốc.
2. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty trong khi thực hiện nhiệm vụ.

<sup>30</sup> Theo Điều 121 – Luật DN

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm Sản & XNK Tổng hợp Bình Dương

3. Ban kiểm soát có ba (03) đến năm (05) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc bãi nhiệm, miễn nhiệm. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một thành viên trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú tại Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.
5. Các chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí quản lý của Công ty. Ban kiểm soát được hưởng thù lao theo chức năng công việc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
6. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát cùng nhiệm kỳ với thành viên Hội đồng quản trị và kéo dài thêm 90 ngày làm việc để giải quyết các công việc tồn đọng. Trong nhiệm kỳ, nếu có khiếm khuyết thành viên Ban kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu bổ sung theo thể thức bầu trực tiếp và bỏ phiếu kín.

**Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát<sup>31</sup>**

1. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
  - b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác.
2. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.

**Điều 50. Từ chức, từ nhiệm và mất tư cách thành viên Ban kiểm soát**

1. Trưởng ban kiểm soát muốn từ chức phải được sự nhất trí của các thành viên còn lại.
2. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ nhiệm hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay thế người đại diện mình đang làm thành viên Ban kiểm soát thì phải gửi văn bản đến Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất bầu thay thế.
3. Thành viên Ban kiểm soát đương nhiên bị mất tư cách khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
  - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo Quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Ban kiểm soát;

<sup>31</sup> Theo Điều 122 – Luật DN



Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm Sơn & XNK Tổng hợp Bình Dương

- b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
  - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
  - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; trừ trường hợp bất khả kháng.
  - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
  - f. Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân;
  - g. Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân;
  - h. Công ty cổ phần bị giải thể trước thời hạn theo quy định của tòa án.
4. Trong trường hợp khuyết chức danh Trưởng ban kiểm soát thì một trong hai thành viên còn lại của Ban kiểm soát sẽ tạm thay thế.
  5. Trường hợp khuyết thành viên ban kiểm soát mà thành viên còn lại không có chuyên môn về tài chính kế toán thì Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung.

**Điều 51. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát**<sup>32</sup>

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.  
Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật Doanh nghiệp.
5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm

<sup>32</sup> Theo Điều 123 – Luật DN

việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
7. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty quy định tại Điều 119 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
8. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
9. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

10. Báo cáo với Đại hội đồng cổ đông về những sự kiện tài chính bất thường, những ưu khuyết điểm trong quản lý tài chính của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các ý kiến độc lập của mình; chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình. Nếu biết sai phạm mà không báo cáo thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thiệt hại (nếu có).
11. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị họp phiên bất thường hoặc yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường.
12. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những ý kiến đề xuất nhưng không được tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của Hội đồng quản trị thì Ban kiểm soát có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
13. Quyền được cung cấp thông tin<sup>33</sup>:
  - a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
  - b. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

<sup>33</sup> Theo Điều 124 – Luật DN



- c. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của công ty làm việc.
  - d. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
14. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ này.

**Điều 52. Nghĩa vụ của thành viên ban kiểm soát**<sup>34</sup>

1. Trưởng ban kiểm soát có trách nhiệm phân công các thành viên còn lại phụ trách từng loại công việc kiểm soát. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
  - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;
  - b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
  - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
2. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
3. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của công ty.
4. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
6. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của công ty.
7. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

<sup>34</sup> Theo Điều 126 – Luật DN



**Mục 5: QUY ĐỊNH CHUNG ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY**

**Điều 53. Nghĩa vụ của người quản lý công ty**<sup>35</sup>

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây:
  - a. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của công ty;
  - c. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.
2. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị và Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.
3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

**Điều 54. Các trường hợp đặc biệt**<sup>36</sup>

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
  - a. Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
  - b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
  - c. Doanh nghiệp được quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 118 của Luật Doanh nghiệp và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.
2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong

<sup>35</sup> Theo Điều 119 – Luật DN

<sup>36</sup> Theo Điều 120 – Luật DN

thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.
4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

## CHƯƠNG V

### TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

#### Điều 55. Tổ chức Đảng – Công đoàn – Đoàn thanh niên<sup>37</sup>

- Các tổ chức chính trị: Đảng Cộng Sản Việt Nam, Công đoàn Việt Nam, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của tổ chức đó.
  - Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của tổ chức mình.
- A. Tổ chức Đảng**
1. Chi bộ Đảng Công ty là tổ chức chính trị, lãnh đạo trực tiếp Đoàn Thanh niên và Công đoàn công ty. Đảng bộ Công ty tham gia sinh hoạt và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng ủy khối Doanh nghiệp tỉnh Bình Dương.
  2. Hoạt động của Đảng bộ Công ty phải chấp hành đúng những quy định của pháp luật hiện hành, chấp hành Điều lệ Đảng và nghị quyết của Đảng các cấp; được Công ty tạo điều kiện thuận lợi trong sinh hoạt .
  3. Đảng bộ Công ty có trách nhiệm và quyền hạn sau:
    - Yêu cầu Hội đồng quản trị Công ty, Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty chấp hành đúng pháp luật hiện hành.
    - Phổ biến chủ trương chính sách của Đảng đến từng CB.CNV lao động trong Công ty.

<sup>37</sup> Theo Điều 6 – Luật DN

- Bồi dưỡng giới thiệu CB.CNV của Công ty thành những Đảng viên ưu tú, có khả năng đáp ứng được yêu cầu công việc cũng như sự phát triển của Công ty, đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước.

## **B. Công Đoàn**

1. Công Đoàn cơ sở Công ty là tổ chức chính trị xã hội, là tổ chức đại diện cho người lao động bảo vệ quyền lợi hợp pháp và chính đáng của người lao động trong Công ty. Công đoàn Công ty cổ phần Lâm sản & XNK Tổng hợp Bình Dương do Công Đoàn Cấp trên chỉ đạo hoạt động.
2. BCH Công Đoàn cơ sở Công ty do Đại hội đại biểu công đoàn bầu lên.
3. Hoạt động của Công đoàn cơ sở Công ty phải tuân theo những quy định của pháp luật hiện hành và tuân theo nội quy lao động của Công ty.
4. Công Đoàn cơ sở Công ty có quyền thành lập các Công đoàn bộ phận trực thuộc, được hội hợp đúng theo quy định của pháp luật hiện hành, được Công ty tạo điều kiện thuận lợi để Công đoàn hoạt động.
5. Công đoàn cơ sở Công ty có trách nhiệm và quyền hạn sau đây :
  - Tổ chức Đại Hội Công Đoàn theo quy định điều lệ.
  - Đại diện người lao động ký kết thỏa ước lao động tập thể với Công ty.
  - Kiểm tra giám sát an toàn lao động, vệ sinh lao động và kiểm tra việc chấp hành pháp luật lao động tại Công ty cổ phần.
  - Tham gia xây dựng nội quy lao động, tham gia xử lý kỷ luật lao động đối với người lao động, tham gia giải quyết khiếu nại tố cáo của người lao động và giải quyết tranh chấp lao động.
  - Kết hợp cùng Giám đốc Công ty tìm biện pháp để nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động.
  - Tổ chức các hoạt động thi đua lao động sản xuất, tăng năng suất chất lượng hiệu quả tại Công ty. Tổ chức và chỉ đạo hoạt động của ủy ban kiểm tra Công đoàn.
  - Cán bộ Công đoàn tham gia phụ trách kiêm nhiệm công tác Công đoàn được hưởng phụ cấp lương theo sự thỏa thuận giữa đoàn viên Công đoàn và Hội đồng quản trị Công ty.

## **C. Đoàn Thanh niên**

1. Đoàn thanh niên Công ty là tổ chức chính trị xã hội, hoạt động dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng bộ Công ty, là tổ chức bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thanh niên. Ngoài ra, hoạt động của Đoàn thanh niên Công ty còn chịu sự chỉ đạo của Đoàn cơ sở Cấp trên.

29.  
Y  
N  
VA  
KH  
OP  
JNG  
T.BV

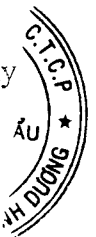
Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm Sản & XNK Tổng hợp Bình Dương

2. Hoạt động của Đoàn Thanh niên trong Công ty phải chấp hành đúng theo luật định, đúng Điều lệ Đoàn và được Công ty tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động.
3. Trách nhiệm và quyền hạn của Đoàn Thanh niên :
  - Vận động, giáo dục thanh niên sống và làm việc theo pháp luật, chấp hành đúng Điều lệ Đoàn và nội quy lao động của Công ty cổ phần.
  - Khuyến khích, giúp đỡ đoàn viên thanh niên học tập nâng cao trình độ văn hóa, tay nghề, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu công việc của Công ty.
  - Phối hợp với Công Đoàn tổ chức các hoạt động thi đua, vui chơi giải trí cho đoàn viên thanh niên, người lao động trong Công ty.

**Điều 56: Người lao động .**

Người lao động là người làm công ăn lương của Công ty.

1. Chế độ tuyển dụng: việc tuyển dụng lao động và trả lương thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa Giám đốc (hoặc người được Giám đốc ủy quyền) và người lao động phù hợp với quy định của pháp luật và theo điều lệ này.
2. Người lao động có trách nhiệm và quyền hạn sau:
  - a. Chấp hành đúng nội quy lao động của công ty, bao gồm:
    - Chấp hành đúng thời gian làm việc và thời gian nghỉ ngơi.
    - Chấp hành đúng những quy định về an toàn lao động và vệ sinh lao động, quy định phòng cháy chữa cháy.
    - Bảo đảm quy định ra vào cổng, trật tự trong Công ty.
    - Chấp hành sự phân công lao động của công ty;
    - Bảo vệ tài sản, bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh của công ty;
    - Làm việc với tinh thần trách nhiệm theo phạm vi công việc được giao.
  - b. Quyền lợi của người lao động làm việc tại Công ty cổ phần:
    - Được ký kết hợp đồng lao động.
    - Được trả lương theo đúng nội dung của hợp đồng lao động và theo luật định.
    - Được tạo điều kiện thuận lợi trong lao động và học tập.
    - Được bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế lao động trong quá trình làm việc.



- Được quyền khiếu nại và tranh chấp trên hợp đồng lao động.
- Và các quyền và nghĩa vụ khác theo luật định và điều lệ này.

## CHƯƠNG VI

### CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

#### PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN – LẬP QUỸ

##### Điều 57. Hệ thống kế toán, hạch toán kế toán – tài chính

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.
4. Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự quản về tài chính, tự cân đối các khoản thu chi, có trách nhiệm bảo toàn và làm sinh lợi các nguồn vốn của Công ty.
5. Trách nhiệm vật chất của Công ty trong các mối quan hệ kinh tế cũng như quan hệ dân sự được giới hạn ở mức vốn điều lệ của Công ty công bố mỗi khi có sự thay đổi.
6. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, chính thức đi vào hoạt động và kết thúc vào 31/12 năm đó.
7. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Giám đốc phải hoàn thành các báo cáo tài chính và gửi đến Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để xem xét, chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông các tài liệu về tài chính của Công ty, gồm:
  - a. Báo cáo về tình hình kinh doanh của công ty.
  - b. Các báo cáo tài chính: Bản cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Bản lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh báo cáo tài chính.
  - c. Báo cáo thẩm tra của Ban kiểm soát về các báo cáo tài chính.
  - d. Thư xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập về tài chính Công ty (nếu có).
  - e. Các phương án xử lý lỗ hoặc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, mức trả cổ tức.



Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm Sản & XNK Tổng hợp Bình Dương

9. Sau Đại hội đồng cổ đông, các văn bản này và biên bản Đại hội đồng cổ đông và tất cả các chứng từ có liên quan phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty với thời gian theo quy định của Nhà nước về lưu giữ chứng từ kế toán.

**Điều 58. Đối tượng và những nguyên tắc đầu tư**

Công ty phải tập trung các nguồn vốn có khả năng huy động được để đầu tư vào các đối tượng và theo những nguyên tắc sau đây:

1. Đầu tư vào các dự án phát triển sản xuất của Công ty trong lĩnh vực ngành nghề đã đăng ký và những ngành nghề mở rộng được luật pháp cho phép, công nghệ hiện đại và một số ngành theo mục tiêu hoạt động của Công ty đã đăng ký kinh doanh.
2. Công ty được đầu tư tạm thời vào các loại chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu) do các tổ chức khác phát hành để tránh bất động vốn nhưng chỉ trong phạm vi 10% tổng giá trị tài sản của Công ty trên sổ sách kế toán Công ty – không kể các cổ phần chi phối của Công ty trong các doanh nghiệp khác để thực hiện chiến lược mở rộng kinh doanh của Công ty.

**Điều 59. Phân cấp quyền hạn tài chính**

Trong hoạt động sử dụng vốn, đầu tư trực tiếp hay gián tiếp, mua sắm tài sản, ký kết hợp đồng kinh doanh, quan hệ tín dụng (vay, cho vay, mua, bán hàng trả chậm, thuê tài chính) giữa Công ty với các đối tác bên ngoài Công ty phải tuân theo nguyên tắc phân cấp quyền hạn sau:

Quy mô sử dụng vốn tính bằng tỷ lệ % trên giá trị tài sản ghi trong sổ kế toán công ty	Thẩm quyền quyết định
Dưới 50%	Theo quyết định và ủy nhiệm của Hội đồng quản trị
Từ 50% trở lên	Phải có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông

Việc ký kết các hợp đồng kinh tế và ủy quyền ký kết theo giới hạn trách nhiệm của Giám đốc, kể cả mua trang thiết bị, vật tư, các chi phí quản lý của Công ty sẽ được Hội đồng quản trị quy định chi tiết trong quy chế làm việc và phân công chức năng nhiệm vụ của Ban Giám đốc.

**Điều 60. Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ**

1. Theo các quy định về chế độ tài chính do Nhà nước ban hành đối với các công ty cổ phần, lợi nhuận của công ty gồm:
  - Lợi nhuận chung = Tổng thu nhập - Tổng chi phí
  - Lợi nhuận ròng = Lợi nhuận chung - Thuế thu nhập doanh nghiệp
2. Lợi nhuận ròng vào cuối niên khóa đều thuộc quyền sở hữu của cổ đông và do các cổ đông quyết định phân chia tại Đại hội đồng cổ đông. Sau khi trích lập quỹ dự trữ

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm Sản & XNK Tổng hợp Bình Dương

bắt buộc, trích lập quỹ tích lũy tái đầu tư, trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động; Số còn lại được chia cổ tức cho các cổ đông theo số cổ phần.

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.

**Điều 61. Xử lý trong trường hợp kinh doanh thua lỗ**

2. Trong trường hợp công ty kinh doanh bị thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo 2 phương án sau:
  - a. Trích từ quỹ dự trữ để bù lỗ.
  - b. Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục.
3. Trường hợp công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài nhiều năm mà vẫn không khắc phục được bằng biện pháp tài chính cần thiết thì Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét quyết định các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

**Điều 62. Kiểm toán**<sup>38</sup>

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty phát hành, niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng [hai] tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

**Điều 63. Báo cáo thường niên, trách nhiệm công bố thông tin, thông báo ra công chúng**

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm

<sup>38</sup> Theo Điều 128 – Luật DN

toán theo quy định tại Điều 62 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, cơ quan quản lý thị trường chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.
3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của cơ quan quản lý thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan này.
4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website đó.
5. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của cơ quan quản lý thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

## CHƯƠNG VII

### TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, THANH LÝ, TRANH TỤNG

#### Điều 64. Tổ chức lại Công ty<sup>39</sup>

1. Khi cần thiết, Công ty có thể được tổ chức lại bằng các phương thức theo Luật Doanh nghiệp quy định: chia doanh nghiệp, tách doanh nghiệp, hợp nhất doanh nghiệp; sáp nhập doanh nghiệp; chuyển đổi công ty.
2. Thủ tục tiến hành cũng như việc kế thừa quyền và nghĩa vụ khi tổ chức lại Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.
3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị các phương án tổ chức lại Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

<sup>39</sup> Theo Điều 150, 151, 152, 153, 154, 155 – Luật DN

**Điều 65. Giải thể -- thủ tục giải thể<sup>40</sup>**

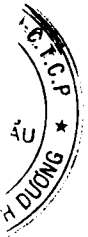
**A. Giải thể**

1. Giải thể Công ty cổ phần là việc chấm dứt sự tồn tại của công ty. Công ty có thể bị giải thể trong các trường hợp sau đây:
  - a. Khi hết thời hạn hoạt động theo Điều lệ này mà Đại hội đồng cổ đông không có quyết định gia hạn.
  - b. Khi có lý do chính đáng, Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông bất thường để quyết định giải thể Công ty.
  - c. Công ty không còn đủ số lượng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục.
  - d. Toà án và cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty.
2. Điều kiện giải thể: doanh nghiệp chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

**B. Thủ tục giải thể**

Việc giải thể doanh nghiệp được thực hiện theo quy định sau:

1. Quyết định giải thể Công ty phải được thông qua theo quy định và có đầy đủ các nội dung:
  - a. Tên, trụ sở Công ty.
  - b. Lý do giải thể.
  - c. Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Công ty, thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá 6 tháng kể từ ngày thông qua quyết định giải thể.
  - d. Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động.
  - e. Thành lập Hội đồng thanh lý tài sản, quyền và nhiệm vụ của tổ thanh lý tài sản được quy định kèm theo Quyết định giải thể.
  - f. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.
2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày thông qua, Quyết định giải thể được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh, tất cả các chủ nợ (kèm theo thông báo về phương án giải quyết công nợ, có đầy đủ tên, địa chỉ của chủ nợ, số nợ, thời hạn, địa điểm và các thức thanh toán nợ, cách thức, thời hạn khiếu nại của chủ nợ về công nợ đó), người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan, người lao động trong Công ty và



<sup>40</sup> Theo Điều 157, 158 – Luật DN

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm Sản & XNK Tổng hợp Bình Dương

phải được niêm yết công khai tại trụ sở Công ty và đăng trên báo địa phương hoặc báo hàng ngày trung ương trong 3 số liên tiếp.

3. Các khoản nợ của doanh nghiệp được thanh toán theo thứ tự sau đây:
  - a. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thoả ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
  - b. Nợ thuế và các khoản nợ khác.

Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể doanh nghiệp, phần còn lại thuộc về chủ doanh nghiệp tư nhân, các thành viên, cổ đông hoặc chủ sở hữu công ty.

4. Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải gửi hồ sơ giải thể doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh. Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh xoá tên doanh nghiệp trong sổ đăng ký kinh doanh.
5. Trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp phải giải thể trong thời hạn sáu tháng, kể từ ngày bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trình tự và thủ tục giải thể được thực hiện theo quy định tại Điều này.

Sau thời hạn sáu tháng quy định tại khoản này mà cơ quan đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ giải thể doanh nghiệp thì doanh nghiệp đó coi như đã được giải thể và cơ quan đăng ký kinh doanh xoá tên doanh nghiệp trong sổ đăng ký kinh doanh. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật, các thành viên Hội đồng quản trị liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác chưa thanh toán.

**Điều 66. Hội đồng thanh lý**

1. Khi có quyết định giải thể công ty, Đại hội đồng cổ đông sẽ lập hội đồng thanh lý thay thế Hội đồng quản trị để cùng Ban kiểm soát làm nhiệm vụ thanh lý công ty theo thời gian quy định và theo thể lệ tài chính hiện hành.
2. Trong thời gian thanh lý, các thành lý viên và Ban kiểm soát có quyền đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xử lý các vấn đề xét thấy cần phải có quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. Nhiệm vụ của Hội đồng thanh lý :
  - a. Thanh lý hợp đồng của Công ty đã ký kết với các cá nhân và tổ chức khác.
  - b. Thu hồi tất cả tài sản của Công ty.
  - c. Kiểm tra đánh giá lại toàn bộ tài sản của Công ty và kêu gọi đấu giá bán các tài sản đó.



- d. Thanh toán mọi khoản nợ của Công ty.
- e. Chia phần tài sản còn lại (đã quy ra thành tiền đồng Việt Nam) cho các cổ đông theo tỷ lệ số cổ phần nắm giữ.

**Điều 67. Tố tụng, tranh chấp**

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại giữa cổ đông với nhau, giữa cổ đông với Công ty hoặc với cán bộ quản lý Công ty có liên quan đến hoạt động quản lý Công ty hay quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông hoặc Công ty theo quy định của Điều lệ này và pháp luật, thì trước tiên các bên giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp không hòa giải được thì các bên có quyền đưa vụ tranh chấp ra tòa án có thẩm quyền hoặc trọng tài kinh tế giải quyết.
2. Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như trong thời gian thanh lý, mọi quyết định xử lý các tranh tụng liên quan đến Công ty đều thuộc thẩm quyền của cơ quan chức năng Nhà nước theo luật định.
3. Mọi cổ đông đều có quyền khiếu nại đòi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ thành viên nào trong Công ty gây ra. Nếu Hội đồng quản trị bỏ qua không xử lý thì các cổ đông có thể cử đại diện đứng đơn khiếu nại trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

**CHƯƠNG VIII**

**ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG & CÁC QUY ĐỊNH KHÁC**

**Điều 68. Điều khoản thi hành**

Công ty được chính thức hoạt động khi Đại hội đồng cổ đông thành lập đã làm đủ các thủ tục sau đây :

1. Xác nhận danh sách cổ đông đã đăng ký mua hết cổ phần đã phát hành và đã đóng đủ tiền theo quy định Nhà nước hoặc có các tổ chức tài chính bảo lãnh bao tiêu hết số cổ phần còn lại.
2. Đại hội đồng cổ đông đã thảo luận và thông qua toàn bộ các điều khoản trong bản điều lệ.
3. Đã bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và họ đã nhận nhiệm vụ.
4. Đã giao quyền quản trị công ty cho Hội đồng quản trị.
5. Hoàn tất các thủ tục với cơ quan Nhà nước theo Luật pháp hiện hành.
6. Được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

**Điều 69. Sửa đổi bổ sung điều lệ**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

**Điều 70. Con dấu**

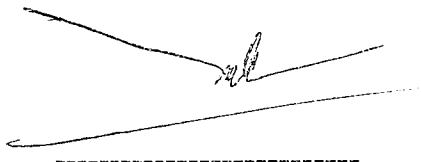
1. Con dấu của Công ty được khắc theo mẫu quy định thống nhất của Bộ Công an. Trước khi sử dụng con dấu phải được đăng ký tại cơ quan Công an có thẩm quyền, cơ quan đăng ký kinh doanh và các ngân hàng thương mại nơi công ty có tài khoản giao dịch.
2. Tất cả các văn bản của Công ty khi công bố chính thức phải có con dấu của Công ty trên các chữ ký hoặc của Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc của Trưởng Ban kiểm soát hoặc của Giám Đốc, Phó Giám Đốc công ty. Chữ ký của các chức danh khác trong công ty không được sử dụng con dấu.
3. Hội đồng quản trị giao Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 71. Đăng ký điều lệ**

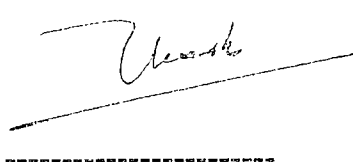
1. Bản điều lệ này có 8 chương, 72 điều; được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua từng điều, từng chương và chấp thuận toàn bộ vào ngày 22 tháng 4 năm 2008. Các cá nhân và các tổ chức có liên quan thuộc đối tượng áp dụng của Điều lệ này phải có trách nhiệm thực hiện theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
2. Điều lệ này được lập thành 10 bản và có giá trị như nhau, trong đó:
  - 06 bản đăng ký tại các cơ quan theo luật định.
  - 04 bản lưu giữ tại văn phòng Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của công ty.
4. Các bản bản sao hay trích lục Điều lệ công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc sao y của cơ quan công chứng mới có giá trị.

Điều 72. Chữ ký của các cổ đông sáng lập.

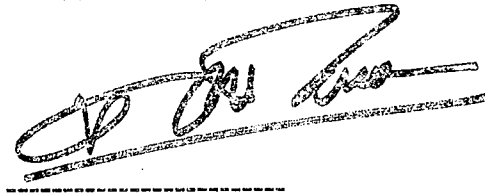
NGUYỄN LÊ HẰNG



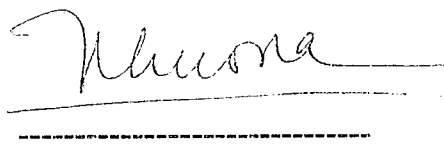
LÊ HỒNG THANH



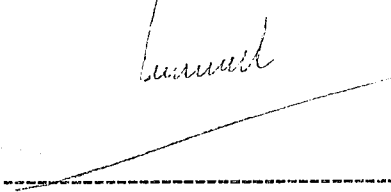
PHẠM MINH TÂM



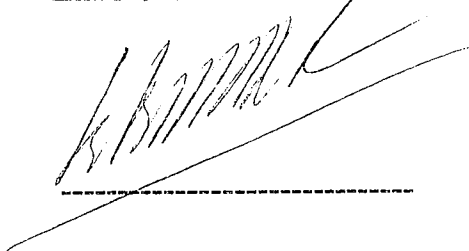
TẶNG PHƯƠNG



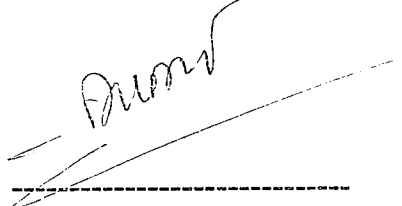
NGUYỄN THỊ KIM NÊN



LÊ TRƯƠNG QUANG TRUNG



NGUYỄN MINH DƯƠNG







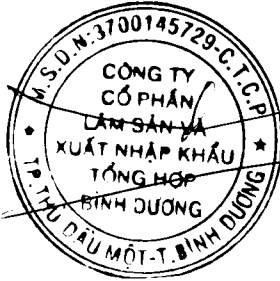
**SAO Y BẢN CHÍNH**

Ngày.....Tháng.....Năm 20.....

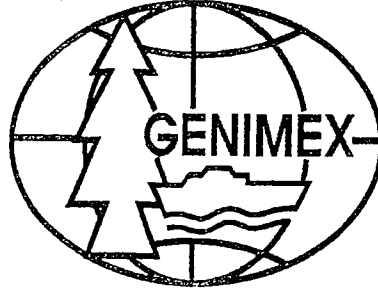
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC**

----- 80 ⊕ 03 -----



*Nguyễn Lê Hằng*



# **ĐIỀU LỆ**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM SẢN & XNK TỔNG HỢP BÌNH DƯƠNG**

**(SỬA ĐỔI LẦN THỨ 2)**

Số 612 Đại lộ Bình Dương, phường Hiệp Thành, TX Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Điện thoại : (84. 0650) 822612 – 822270 – 820475

Website: [www.genimex.com.vn](http://www.genimex.com.vn)

- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần lâm sản & Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương được Đại hội đồng cổ đông thông qua chính thức ngày 22/04/2008
- Căn cứ Điều III Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2009
- Căn cứ Điều VIII Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần lâm sản & Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương

Nay sửa đổi bản Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần lâm sản & Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương được Đại hội đồng cổ đông thông qua chính thức ngày 22/04/2008 tại các Điều sau :

## **I. Sửa đổi Điều 3: Trụ sở và địa bàn hoạt động của Công ty**

### **1. Điều 3 chưa sửa đổi:**

1. Trụ sở đăng ký của công ty là:

- Địa chỉ: Số 612 Đại lộ Bình Dương, Phường Hiệp Thành, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại:(0650) 822612 - 822243 - 822270 - 820475
- Fax: (0650) 824113
- Email: [genimex@hcm.vnn.vn](mailto:genimex@hcm.vnn.vn)
- Website: [www.genimex.com.vn](http://www.genimex.com.vn)

2. Chi nhánh Công ty & Xí nghiệp trực thuộc Công ty

#### **a- CHI NHÁNH CÔNG TY TẠI TỈNH BÌNH PHƯỚC:**

- Địa chỉ: Quốc lộ.14P, Phường Tân Bình Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.
- Điện thoại:(0651) 870917
- Fax: (0651) 870918

#### **b- XÍ NGHIỆP KINH DOANH CHẾ BIẾN LÂM SẢN XUẤT KHẨU**

- Địa chỉ : Đường 30/4, Phường Phú Thọ, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : (0650) 833858
- Fax : (0650) 822710

#### **c- XÍ NGHIỆP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG**

- Địa chỉ : 612 Đại lộ Bình Dương, Phường Hiệp Thành, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

d- **XÍ NGHIỆP TƯ VẤN GIAO THÔNG**

- Địa chỉ : 612 Đại lộ Bình Dương, Phường Hiệp Thành, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Việc dời trụ sở của Công ty trong phạm vi tỉnh Bình Dương do Hội đồng quản trị Công ty quyết định; nếu dời trụ sở đến tỉnh khác thì phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định, và trong mọi trường hợp đều phải thông báo, đăng ký tại Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật.

3. Công ty được phép lập chi nhánh, văn phòng đại diện trong phạm vi cả nước và ở nước ngoài (nếu có) theo quyết định của Hội đồng quản trị và thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. Việc đặt chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài phải tuân theo pháp luật của Việt Nam và nước sở tại.

**2. Điều 3 sửa đổi như sau:**

**Điều 3: Trụ sở và địa bàn hoạt động của Công ty**

**1. Trụ sở đăng ký của công ty là:**

- Địa chỉ: **Số 612 Đại lộ Bình Dương, Phường Hiệp Thành, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.**
- Điện thoại: **(0650) 3822612 - 3822243 - 3822270 - 3820475**
- Fax: **(0650) 3824113**
- Email: **genimex@hcm.vnn.vn**
- Website: **www.genimex.com.vn**

**2. Chi nhánh Công ty & Xí nghiệp trực thuộc Công ty**

**a- XÍ NGHIỆP KINH DOANH CHẾ BIẾN LÂM SẢN XUẤT KHẤU**

- Địa chỉ : Đường 30/4, Phường Phú Thọ, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : **(0650) 3833858**
- Fax : **(0650) 3822710**

**b- XÍ NGHIỆP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG**

- Địa chỉ : 612 Đại lộ Bình Dương, Phường Hiệp Thành, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : **(0650) 3822612**

**c- XÍ NGHIỆP TƯ VẤN GIAO THÔNG**

- Địa chỉ : 612 Đại lộ Bình Dương, Phường Hiệp Thành, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

- Điện thoại : (0650)3822612)

**d- SÀN GIAO DỊCH BẤT ĐỘNG SẢN (GENIMEX REAL)**

- Địa chỉ : 612 Đại lộ Bình Dương, Phường Hiệp Thành, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

- Điện thoại : (0650) 3822641

*Việc dời trụ sở của Công ty trong phạm vi tỉnh Bình Dương do Hội đồng quản trị Công ty quyết định; nếu dời trụ sở đến tỉnh khác thì phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định, và trong mọi trường hợp đều phải thông báo, đăng ký tại Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật.*

*3. Công ty được phép lập chi nhánh, văn phòng đại diện trong phạm vi cả nước và ở nước ngoài (nếu có) theo quyết định của Hội đồng quản trị và thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. Việc đặt chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài phải tuân theo pháp luật của Việt Nam và nước sở tại.*

**II. SỬA ĐỔI MỤC 2. ĐIỀU 10: VỐN ĐIỀU LỆ**

**1. Mục 2, Điều 10 chưa sửa đổi:**

1. ....

2. Vào ngày thông qua điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là: 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng chẵn) tương đương 2.500.000 cổ phần; mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng.

**2. Mục 2, Điều 10 sửa đổi:**

1....

2. Vào ngày thông qua điều lệ sửa đổi lần thứ 2 (hai) vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng chẵn) tương đương 3.000.000 cổ phần; mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng

III. Bản điều lệ này có 8 chương, 72 điều; Ngoài Điều 3 và mục 2, điều 10 được sửa đổi theo sự thống nhất của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 diễn ra chính thức và hợp lệ ngày 26 tháng 04 năm 2010; Các chương và các điều khác không thay đổi. Các cá nhân và các tổ chức có liên quan thuộc đối tượng áp dụng Bản Điều lệ tổ

729  
Y  
VA  
KH  
P  
NG  
BINH

chức hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm sản & Xuất Nhập Khẩu Tổng hợp Bình Dương có trách nhiệm thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

IV. Bản sửa đổi lần thứ 2 (hai) này được lập thành 10 bản và có giá trị như nhau; Là một bộ phận không tách rời của Bản Điều lệ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần lâm sản & Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương được Đại hội đồng cổ đông thông qua chính thức ngày 22/04/2008

Trong đó:

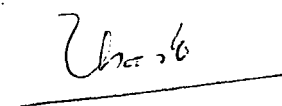
- 06 bản đăng ký tại các cơ quan theo luật định
- 04 bản lưu tại văn phòng Công ty.

V. Chữ ký của các cổ đông sáng lập:

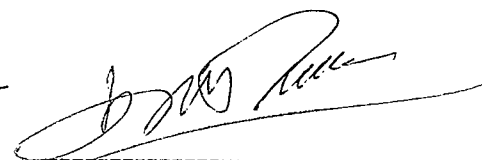
NGUYỄN LỆ HẰNG



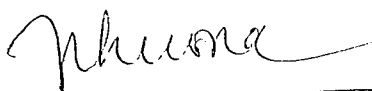
LÊ HỒNG THANH



PHẠM MINH TÂM



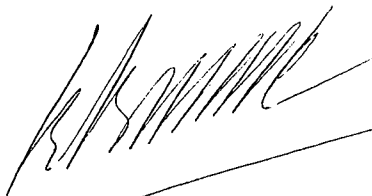
TẶNG PHƯƠNG



NGUYỄN THỊ KIM NÊN



LÊ TRƯƠNG QUANG TRUNG



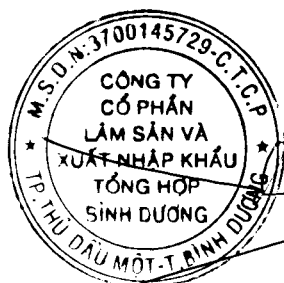
NGUYỄN MINH DƯƠNG



**SAO Y BẢN CHÍNH**

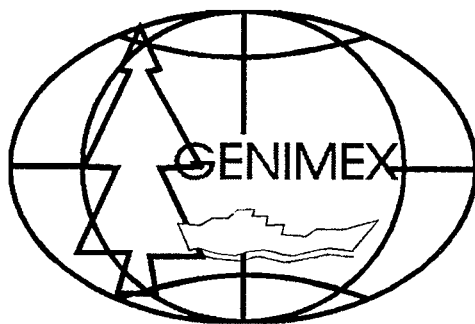
Ngày.....Tháng.....Năm 20.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**



*Nguyễn Lệ Hằng*

-----oOo-----



# ĐIỀU LỆ

## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM SẢN & XNK TỔNG HỢP BÌNH DƯƠNG

(SỬA ĐỔI LẦN THỨ 3)

Số 612 Đại lộ Bình Dương - Phường Hiệp thành  
Thành phố Thủ Dầu Một - Tỉnh Bình Dương  
Tel : 0650.3822612 – Fax: 0650.3824113  
Website: [www.genimex.com.vn](http://www.genimex.com.vn)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2005 đã được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần Lâm sản và XNK Tổng hợp Bình Dương
- Căn cứ Điều VII, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014, ngày 28/04/2014, V/v thông qua việc sửa đổi một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Lâm sản và Xuất nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương

**I- Sửa đổi Khoản 1, Điều 3 : Trụ sở và địa bàn hoạt động của Công ty**

**1- Điều lệ chưa sửa đổi:**

**Điều 3: Trụ sở và địa bàn hoạt động của Công ty**

1. Trụ sở đăng ký của công ty là

- Địa chỉ : số 612 Đại lộ Bình Dương, Phường Hiệp Thành, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Điện thoại: (0650) 3822612 – 3822243 – 3822270 – 3820475
- Fax: (0650) 3824113
- Email: [genimex@hcm.vnn.vn](mailto:genimex@hcm.vnn.vn)
- Website: [www.genimex.com.vn](http://www.genimex.com.vn)

2. Chi nhánh công ty và Xí nghiệp trực thuộc Công ty

....

**2- Điều 3 sửa đổi như sau:**

**Điều 3: Trụ sở và địa bàn hoạt động của Công ty**

1. Trụ sở đăng ký của công ty là

- Địa chỉ : số 612 Đại lộ Bình Dương, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Điện thoại: (0650) 3822612 – 3822243 – 3822270 – 3820475
- Fax: (0650) 3824113
- Email: [genimex@genimex.com.vn](mailto:genimex@genimex.com.vn)
- Website: [www.genimex.com.vn](http://www.genimex.com.vn)



2. Chi nhánh công ty và Xí nghiệp trực thuộc Công ty: không đổi

## II- Sửa đổi Khoản 2, Điều 10 : Vốn điều lệ

### 1- Điều lệ chưa sửa đổi:

#### Điều 10 : Vốn điều lệ

1. ...

2. Vào ngày thông qua điều lệ sửa đổi lần 2(hai), vốn điều lệ của công ty là 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng chẵn) tương đương 3.000.000 cổ phần; mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng

### 2- Điều 10 sửa đổi như sau:

#### Điều 10 : Vốn điều lệ

1. ...

2. Vào ngày thông qua điều lệ sửa đổi này, vốn điều lệ của công ty là 90.000.000.000 đồng (Chín mươi tỷ đồng , tương đương 9.000.000 cổ phần; mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng

## III- Sửa đổi Khoản 3, Điều 16 : Chuyển nhượng cổ phần

### 1- Điều lệ chưa sửa đổi:

#### Điều 16: Chuyển nhượng cổ phần

1. ...

2. ...

3. Cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty ***không được*** chuyển nhượng trong thời gian đương nhiệm, trong trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng phải được sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông.”

4. ....

5. ....

6. ....

7. ....

### 2- Điều 16 sửa đổi như sau:

**Điều 16: Chuyển nhượng cổ phần**

1. ...
2. ...
3. **Cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty được chuyển nhượng trong thời gian đương nhiệm, trước khi chuyển nhượng phải thông báo cho Hội đồng quản trị bằng văn bản.**
4. ....
5. ....
6. ....
7. ....

**IV- Sửa đổi Mục c, Khoản 2, Điều 26 : Đại hội đồng cổ đông**

**1- Điều lệ chưa sửa đổi:**

**Điều 26: Đại Hội đồng cổ đông**

....

1. ...
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau :
  - a. ...
  - b. ....
  - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ.
  - d. ...
  - e. ....
  - f. ....

**2- Điều 26 sửa đổi như sau:**

**Điều 26: Đại hội đồng cổ đông**

1. ...

9-C  
VA  
KHA  
OP  
ONG  
T.BI

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau :

a. ...

b. ....

c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc giảm quá 1/3 (một phần ba) số thành viên quy định trong điều lệ

d. ....

e. ....

f. ....

V- Sửa đổi Khoản 4, Điều 28 : Quyền dự họp Đại hội cổ đông và Các đại diện được ủy quyền

1- Điều lệ chưa sửa đổi:

Điều 28: Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và các đại diện được ủy quyền

1. ...

2. ...

3. ...

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn còn hiệu lực khi có một trong những trường hợp sau đây:

a. ....

b. ....

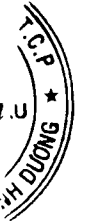
c. ....

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại

2- Điều 28 sửa đổi như sau:

Điều 28: Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và Các đại diện được ủy quyền

1. ...



2. ...

3. ...

4. *Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn còn hiệu lực khi có một trong những trường hợp sau đây:*

a. ....

b. ....

c. ....

*Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên hai mươi bốn giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại*

VI- Sửa đổi Mục b, Khoản 3, Điều 32 : Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1- Điều lệ chưa sửa đổi:

Điều 32: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. ...

2. ...

3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

a. ...

b. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể công ty, giao dịch bán tài sản công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông

c. ....

3. ....

4. ....



5. ....

2- Điều 32 sửa đổi như sau:

Điều 32: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. ...

2. ...

3. *Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:*

a. ...

*b. Các quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận*

c. ....

4. ....

5. ....

6. ....

VII- Sửa đổi Khoản 3, Điều 35 : Hội đồng quản trị

1- Điều lệ chưa sửa đổi:

Điều 35: Hội đồng quản trị

1. ...

2. ...

3. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 5 (năm) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người, do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm, bằng hình thức trực tiếp bỏ phiếu kín. Thành viên Hội đồng quản trị được trúng cử với đa số phiếu tính theo số cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng phải đạt tín nhiệm của các cổ đông đại diện cho ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết hiện diện tán thành.

....

3. ...

5700  
CƠ  
CÓ  
LÀM  
IÁT N  
TỔ  
BINH  
ĐÀU

4. ....

5. ....

6. ....

7. ....

2- Điều 35 sửa đổi như sau:

Điều 35: Hội đồng quản trị

1. ...

2. ...

3. *Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 5 (năm) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người, do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.*

....

3. ....

4. ....

5. ....

6. ....

VIII- Sửa đổi Khoản 15, Điều 39 : Hoạt động của Hội đồng quản trị

1- Điều lệ chưa sửa đổi:

Điều 39: Hoạt động của Hội đồng quản trị

1. ...

2. ...

...

15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị,....và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2- Điều lê 39 sửa đổi như sau:

Điều 39: Hoạt động của Hội đồng quản trị

1. ....

2. ....

.....

13. ...

14. ...

*Bỏ khoản 15, Điều 39*

IX- Sửa đổi Khoản 6, Điều 44: Tổng Giám Đốc

1- Điều lê chưa sửa đổi:

Điều 44: Tổng giám đốc

1. ...

2. ...

3. ...

4. ...

5. ...

6. Việc cách chức, bãi, miễn nhiệm Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc phải có sự nhất trí của trên 2/3 thành viên Hội đồng quản trị.

2- Điều 44 sửa đổi như sau:

Điều 44: Tổng Giám đốc

1. ...

2. ...

3. ...

4. ...

5. ...

6. Việc cách chức, bãi, miễn nhiệm Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc phải có sự nhất trí của đa số thành viên Hội đồng quản trị

X- Sửa đổi Khoản 6, Điều 48: Ban Kiểm soát

**1- Điều lệ chưa sửa đổi:**

**Điều 48: Ban kiểm soát**

1. ...

2. ...

3. ...

4. ...

5. ...

6. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát cùng nhiệm kỳ với thành viên Hội đồng quản trị và kéo dài thêm 90 ngày làm việc để giải quyết các công việc tồn đọng. Trong nhiệm kỳ, nếu có khiếm khuyết thành viên Ban kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu bổ sung theo thể thức bầu trực tiếp và bỏ phiếu kín

**2- Điều 48 sửa đổi như sau:**

**Điều 48: Ban kiểm soát**

1. ...

2. ...

3. ...

4. ...

5. ...

6. *Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát cùng nhiệm kỳ với thành viên Hội đồng quản trị. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ. Trong nhiệm kỳ, nếu có khiếm khuyết thành viên Ban kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu bổ sung theo thể thức bầu dồn phiếu*

XI- Bản Điều lệ có 08 Chương và 72 Điều. Ngoài khoản 1, Điều 3; khoản 2, Điều 10; khoản 3, Điều 16; mục c. khoản 2, Điều 26; khoản 4, Điều 28; mục b, khoản 3, Điều 32; khoản 3, Điều 35; khoản 15, Điều 39; khoản 6, Điều 44; khoản 6, Điều 48 được sửa đổi theo sự thống nhất của Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 diễn ra chính thức và hợp lệ ngày 28/04/2014, thì các mục, khoản, Điều, Chương khác không thay đổi. Các cá nhân và các tổ chức có liên quan thuộc đối tượng áp dụng bản Điều lệ tổ chức hoạt động của

S-C  
A  
H  
A  
U  
,  
G  
SINH

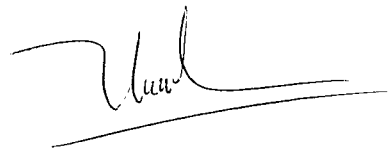
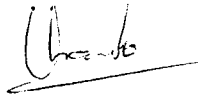
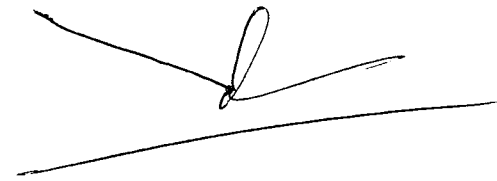


Công ty Cổ phần Lâm sản và Xuất nhập khẩu tổng hợp Bình Dương có trách nhiệm thực hiện đúng nhiệm vụ, chức năng và quyền hạn được quy định tại Bản Điều lệ này

Bản sửa đổi lần thứ 3 (ba) này được lập thành 10 bản và có giá trị như nhau; Và là một bộ phận không tách rời của Bản Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm sản và Xuất nhập khẩu tổng hợp Bình Dương được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008 chính thức và hợp pháp thông qua ngày 22/04/2008. Trong đó : 06 (sáu) bản đăng ký tại các cơ quan theo luật định và 04 (bốn) bản lưu tại văn phòng Công ty

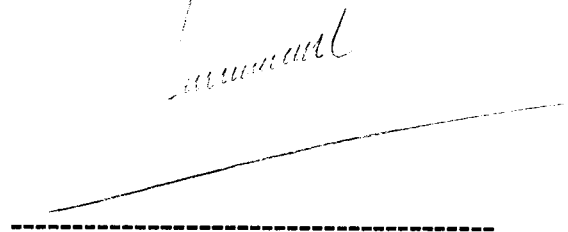
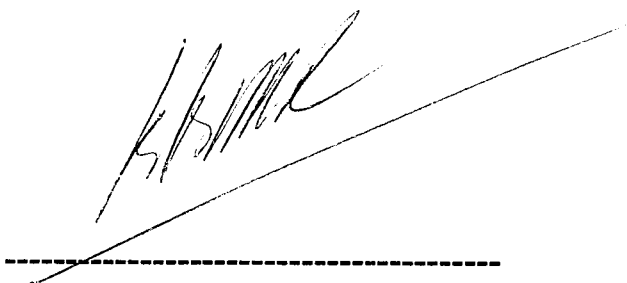
## XII- Chữ ký của các cổ đông sáng lập

NGUYỄN LỆ HẰNG      LÊ HỒNG THANH      CHU THỊ PHƯƠNG ANH



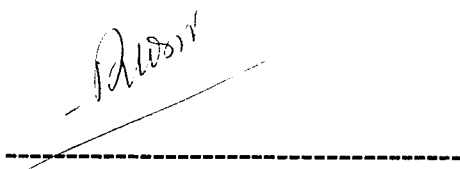
LÊ TRƯƠNG QUANG TRUNG

NGUYỄN THỊ KIM NÊN



NGUYỄN MINH DƯƠNG

DẤU CÔNG TY



**SAO Y BẢN CHÍNH**

Ngày.....Tháng.....Năm 20.....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ĐỘC LẬP TỰ DO - HẠNH PHÚC**

-----oOo-----



*Nguyễn Lê Hằng*

# **ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
LÂM SẢN & XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP  
BÌNH DƯƠNG  
(GENIMEX)**

*Tháng 10 Năm 2005*



<b>MỤC LỤC</b>	Trang
<b>CHƯƠNG I</b>	
<b>QUY ĐỊNH CHUNG</b>	
<u>Điều 1</u> : Giải thích từ ngữ	5
<u>Điều 2</u> : Tên và hình thức doanh nghiệp	5
<u>Điều 3</u> : Trụ sở và địa bàn hoạt động của Công ty	5
<u>Điều 4</u> : Tư cách pháp lý và đại diện Công ty	6
<u>Điều 5</u> : Mục tiêu thành lập – Chức năng và phạm vi ngành nghề kinh doanh	7
<u>Điều 6</u> : Thời gian hoạt động	8
<u>Điều 7</u> : Nguyên tắc tổ chức hoạt động và quản trị, điều hành của Công ty	8
<b>CHƯƠNG II</b>	
<b>QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY</b>	
<u>Điều 8</u> : Quyền của công ty	8
<u>Điều 9</u> : Nghĩa vụ của Công Ty	9
<b>CHƯƠNG III</b>	
<b>VỐN – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU – CỔ ĐÔNG – CỔ TỨC</b>	
<b>Mục 1 : VỐN</b>	
<u>Điều 10</u> : Vốn điều lệ	10
<u>Điều 11</u> : Tăng giảm vốn điều lệ	10
<b>Mục 2 : CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU</b>	
<u>Điều 12</u> : Cổ phần	11
<u>Điều 13</u> : Hình thức cổ phiếu	11
<u>Điều 14</u> : Sổ đăng ký cổ đông	12
<u>Điều 15</u> : Chào bán và thu hồi cổ phần	12
<u>Điều 16</u> : Chuyển nhượng cổ phần	13
<u>Điều 17</u> : Thừa kế cổ phần	14
<b>Mục 3 : CỔ ĐÔNG</b>	
<u>Điều 18</u> : Quy định chung về cổ đông	14
<u>Điều 19</u> : Quyền của cổ đông phổ thông	15
<u>Điều 20</u> : Trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông	16

<b>Mục 4 : CỔ TỨC</b>	
<u>Điều 21</u> : Trả cổ tức	16
<u>Điều 22</u> : Thu hồi tiền thanh toán cổ tức	17
<b>Mục 5 : MUA LẠI CỔ PHẦN</b>	
<u>Điều 23</u> : Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	17
<u>Điều 24</u> : Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty	17
<u>Điều 25</u> : Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại	18
<b>CHƯƠNG IV</b>	
<b>TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT</b>	
<b>Mục 1 : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>	
<u>Điều 26</u> : Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và điều kiện tiến hành	18
<u>Điều 27</u> : Đại hội đồng cổ đông thường niên	19
<u>Điều 28</u> : Đại hội đồng cổ đông bất thường	19
<u>Điều 29</u> : Thẻ thức triệu tập và tiến hành họp ĐHCĐ	20
<u>Điều 30</u> : Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHCĐ	21
<u>Điều 31</u> : Chương trình và nội dung họp ĐHCĐ	21
<u>Điều 32</u> : Quyền dự họp và ủy quyền tham dự ĐHCĐ	22
<u>Điều 33</u> : Thông qua và yêu cầu hủy bỏ các quyết định của ĐHCĐ	22
<u>Điều 34</u> : Biên bản họp ĐHCĐ	23
<b>Mục 2 : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	
<u>Điều 35</u> : Hội đồng quản trị (HDQT)	23
<u>Điều 36</u> : Tiêu chuẩn ứng cử thành viên HDQT	24
<u>Điều 37</u> : Quyền hạn của HDQT	24
<u>Điều 38</u> : Trách nhiệm của HDQT	25
<u>Điều 39</u> : Hoạt động của HDQT	26
<u>Điều 40</u> : Các trường hợp mất tư cách thành viên HDQT	27
<u>Điều 41</u> : Phân công nhiệm vụ và quyền hạn giữa các thành viên trong HDQT	28
<u>Điều 42</u> : Quyền lợi của thành viên HDQT	29
<b>Mục 3 : BAN GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC</b>	
<u>Điều 43</u> : Bộ máy điều hành công ty	29
<u>Điều 44</u> : Giám Đốc	29
<u>Điều 45</u> : Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám Đốc	30
<u>Điều 46</u> : Tiêu chuẩn tuyển chọn Giám đốc công ty	31
<u>Điều 47</u> : Từ nhiệm và đương nhiên mất tư cách Giám đốc	31

<b>Mục 4 : KIỂM SOÁT</b>	
<u>Điều 48</u> : Ban kiểm soát	32
<u>Điều 49</u> : Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban kiểm soát	32
<u>Điều 50</u> : Từ chức, từ nhiệm và mất tư cách thành viên Ban kiểm soát	32
<u>Điều 51</u> : Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát	33
<b>Mục 5 : QUY ĐỊNH CHUNG ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY</b>	
<u>Điều 52</u> : Nghĩa vụ của người quản lý công ty	34
<u>Điều 53</u> : Các trường hợp đặc biệt	35
<b>CHƯƠNG V TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG</b>	
<u>Điều 54</u> : Tổ chức Đảng – Công đoàn – Đoàn thanh niên	36
<u>Điều 55</u> : Người lao động	37
<b>CHƯƠNG VI CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN – LẬP QUỸ</b>	
<u>Điều 56</u> : Hạch toán kế toán – tài chính	38
<u>Điều 57</u> : Đối tượng và những nguyên tắc đầu tư	39
<u>Điều 58</u> : Phân cấp quyền hạn tài chính	39
<u>Điều 59</u> : Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ	39
<u>Điều 60</u> : Xử lý trong trường hợp kinh doanh thua lỗ	40
<u>Điều 61</u> : Kiểm toán	40
<b>CHƯƠNG VII TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, THANH LÝ, TRANH TỤNG</b>	
<u>Điều 62</u> : Tổ chức lại Công ty	41
<u>Điều 63</u> : Giải thể – thủ tục giải thể	41
<u>Điều 64</u> : Hội đồng thanh lý	42
<u>Điều 65</u> : Tố tụng, tranh chấp	43
<b>CHƯƠNG VIII ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG &amp; CÁC QUY ĐỊNH KHÁC</b>	
<u>Điều 66</u> : Điều khoản thi hành	43
<u>Điều 67</u> : Sửa đổi, bổ sung điều lệ	43
<u>Điều 68</u> : Con dấu	44
<u>Điều 69</u> : Đăng ký điều lệ	44

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

\*\*\*\*\*

Dự thảo

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM SẢN & XUẤT NHẬP KHẨU**  
**TỔNG HỢP BÌNH DƯƠNG**  
**( GENIMEX )**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 13/1999/QH10 (DN) đã được kỳ họp thứ 5 Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam khóa X thông qua ngày 12/06/1999.

- Căn cứ vào Quyết định số 116/2005/QĐ-UB ngày 29/6/2005 của UBND tỉnh Bình Dương về việc Cổ phần hóa Công ty Lâm Sản & XNK Tổng Hợp Bình Dương (GENIMEX ).

- Căn cứ Quyết định số 7006/QĐ-UBND ngày 29/12/2005 của UBND Tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt phương án và chuyển Công Ty Lâm Sản & XNK Tổng Hợp Bình Dương thành Công Ty Cổ phần Lâm Sản & XNK Tổng hợp Bình Dương.

Hôm nay, ngày 07 tháng 4 năm 2006. Chúng tôi những cổ đông tham dự Đại Hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Lâm sản & XNK Tổng Hợp Bình Dương cùng tán thành và thông qua nội dung của bản điều lệ và cùng cam kết thực hiện những quy định trong bản điều lệ này.

Bản điều lệ này sẽ chi phối toàn bộ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Lâm sản & XNK Tổng Hợp Bình Dương và đồng thời có hiệu lực chấp hành đối với bất kỳ ai tham gia vào Công ty sau này.

• • •

• • •

## CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1: Giải thích từ ngữ

Trong bản điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau :

1. Nhóm cổ đông đa số : Là cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng, theo quy định tại khoản 2 điều 19 của bản điều lệ này.
2. Người quản lý Công ty : Là thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Giám đốc – Phó giám đốc , Kế toán trưởng, giám đốc các xí nghiệp trực thuộc .
3. Người có liên quan : Là những đối tượng được quy định tại khoản 14 điều 3 của Luật Doanh nghiệp.

### Điều 2: Tên và hình thức doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM SẢN & XUẤT NHẬP KHẨU  
TỔNG HỢP BÌNH DƯƠNG.**
  - Tên giao dịch : **GENIMEX CORPORATION.**
  - Tên viết tắt : **GENIMEX.**
2. **Hình thức doanh nghiệp** : **CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM SẢN & XNK TỔNG HỢP BÌNH DƯƠNG** (sau đây gọi tắt là Công ty ) được thành lập dưới hình thức là công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp đã được kỳ họp Quốc Hội khóa X nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12/06/1999.

### Điều 3: Trụ sở và địa bàn hoạt động của Công ty

1. **Trụ sở chính** : Số 612 Đại lộ Bình Dương, Phường Hiệp Thành, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
  - **Điện thoại** : 0650 - 822612, 822243, 822270, 820475
  - **Fax** : 0650 - 824113
  - **Email** : [genimex@hcm.vnn.vn](mailto:genimex@hcm.vnn.vn) . . .
  - **Website** : [www.genimex.com.vn](http://www.genimex.com.vn)
2. **Chi nhánh Công ty tại Tỉnh Bình Phước** : Quốc lộ.14P. Phường Tân Bình Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.
  - Điện thoại : 0651.870917 - Fax : 0651.870918

Việc dời trụ sở của Công ty trong phạm vi tỉnh Bình Dương do Hội đồng quản trị Công ty quyết định; nếu dời trụ sở đến tỉnh khác thì phải được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) quyết định, và trong mọi trường hợp đều phải thông báo, đăng ký



tại Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật.

3. Công ty được phép lập chi nhánh, văn phòng đại diện trong phạm vi cả nước và ở nước ngoài (nếu có) theo quyết định của HĐQT và thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. Việc đặt chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài phải tuân theo pháp luật của Việt Nam và nước sở tại.

#### **Điều 4: Tư cách pháp lý và đại diện Công ty**

##### **A/ Tư cách pháp lý<sup>1</sup>**

1. Công ty là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ DNNN thành Công ty cổ phần, trong đó vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau – gọi là cổ phần, do các cổ đông cùng đóng góp.

Công Ty được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan, chịu sự quản lý của các cơ quan có thẩm quyền theo luật định.

2. Công ty là một tổ chức kinh tế độc lập :

- a/ Có tư cách pháp nhân theo luật định kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- b/ Có con dấu riêng, được đăng ký mở tài khoản tại các ngân hàng thương mại trong và ngoài nước theo luật định.
- c/ Có tài sản độc lập với các cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó.
- d/ Có bản cân đối kế toán riêng, tự chủ về tài chính, hạch toán kinh tế độc lập, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh và được trích lập các quỹ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- đ/ Nhân danh mình tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách độc lập, tự quyết định mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

##### **B/ Đại diện của Công ty:**

1. Đại diện của Công ty có thể là đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch HĐQT.

<sup>1</sup> Theo Điều 51 – Luật DN

3. Đại diện theo pháp luật của Công ty có thể ủy quyền cho người khác thay mình thực hiện nhiệm vụ đại diện.
4. Đại diện theo ủy quyền của Công ty chấm dứt trong các trường hợp sau đây
  - Hết thời hạn ủy quyền hoặc công việc được ủy quyền đã hoàn thành.
  - Người đại diện theo pháp luật của Công ty hủy bỏ việc ủy quyền.
  - Pháp nhân chấm dứt.



**Điều 5: Mục tiêu thành lập – Chức năng và phạm vi ngành nghề kinh doanh:**

1. **Mục tiêu :** Sử dụng nguồn vốn, khả năng quản lý, lao động và uy tín của các cổ đông và CB.CNV nhằm phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong phạm vi ngành nghề đã đăng ký để tối đa hóa lợi nhuận, tạo công ăn việc làm ổn định, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống cho người lao động, gia tăng lợi tức cho các cổ đông, góp phần đem lại hiệu quả kinh tế – xã hội, phát triển địa phương, đóng góp tích cực vào Ngân sách Nhà Nước và tích lũy tái đầu tư để phát triển công ty ngày một lớn mạnh.

2. **Chức năng :**

a/ **Phạm vi kinh doanh :**

Liên doanh, liên kết, hợp tác với các đơn vị kinh tế trong và ngoài nước để thực hiện hoạt động kinh doanh có hiệu quả theo đúng ngành nghề đã đăng ký.

Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty.

b/ **Ngành, nghề kinh doanh :**

- Khai thác, sản xuất chế biến, kinh doanh, lâm sản, nông sản các loại.
- Xuất khẩu nông sản, lâm sản, súc sản, hàng tiêu dùng và hàng thủ công mỹ nghệ.
- Nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư, hoá chất phục vụ sản xuất, phương tiện vận tải và hàng hoá tiêu dùng.
- Dịch vụ vận chuyển và giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu.
- Tư vấn, khảo sát (địa chất, địa hình), thiết kế, giám sát, thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật, các công trình dân dụng công nghiệp, cầu đường giao thông, thuỷ lợi, lắp đặt đường dây điện, trạm biến thế, hệ thống chiếu sáng, hệ thống cấp thoát nước đô thị thuộc dự án nhóm B.
- Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công và tổng dự toán công trình.
- Tư vấn đầu tư. Tư vấn quản lý dự án.
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng và chất lượng công trình.
- Khai hoang và thi công san lấp mặt bằng.
- Sản xuất cơ khí xây dựng.
- Kinh doanh BOT các công trình giao thông.
- Kinh doanh địa ốc, cho thuê nhà xưởng và máy móc thiết bị.
- Đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và khu dân cư.
- Khai thác, kinh doanh khoáng sản phi kim loại.
- Sản xuất tole, xà gỗ, tấm trần nhựa .

- Kinh doanh vật liệu xây dựng, hàng trang trí, nội thất, máy móc thiết bị, hàng tiêu dùng và hoá chất (keo, sơn, vecni), vật tư nông nghiệp.

**Điều 6 : Thời gian hoạt động**

Thời gian hoạt động của Công ty là 50 năm (kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh). Việc chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoặc gia hạn thời gian hoạt động của Công ty phải do ĐHĐCĐ quyết định và tiến hành đúng trình tự thủ tục theo Luật Doanh nghiệp quy định.

**Điều 7: Nguyên tắc tổ chức hoạt động và quản trị, điều hành của Công ty**

1. Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.
2. Các cổ đông của Công ty được hưởng lợi nhuận và phải chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp của mình trong Công ty.
3. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là ĐHĐCĐ.
4. ĐHĐCĐ bầu Hội đồng quản trị (HĐQT) để lãnh đạo Công ty giữa hai kỳ đại hội, bầu Ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty của HĐQT
5. Điều hành hoạt động của Công ty là Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm. Giúp việc cho Giám đốc có các Phó giám đốc và các chức danh chủ chốt theo cơ cấu tổ chức của Công ty do Giám đốc đề nghị và HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm.
6. Công ty cổ phần không chịu trách nhiệm về bất cứ khoản nợ và nghĩa vụ nào của cổ đông tham gia ngoài công ty

**CHƯƠNG II  
QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY**

**Điều 8: Quyền của công ty<sup>2</sup>**

Công Ty có các quyền cơ bản theo luật định như sau :

1. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của công ty.
2. Chủ động lựa chọn ngành nghề, địa bàn đầu tư, kể cả liên doanh góp vốn vào doanh nghiệp khác; chủ động mở rộng quy mô ngành nghề kinh doanh.
3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.
4. Lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn; Công ty có quyền phát hành chứng khoán ra công chúng theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
5. Quyết định tổ chức bộ máy và nhân sự, tổ chức các đơn vị trực thuộc phù hợp với mục đích và nội dung hoạt động của Công ty.
6. Tuyển, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh của Công ty.

<sup>2</sup> Theo điều 4 và điều 7 - Luật DN

7. Tự chủ kinh doanh, chủ động áp dụng phương thức quản lý khoa học, hiện đại để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường.
8. Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích.
9. Yêu cầu nhà nước thực hiện các bảo đảm công nhận và bảo hộ quyền sở hữu tài sản, vốn đầu tư, thu nhập, các quyền lợi và lợi ích hợp pháp của Công ty. Bảo đảm tài sản của Công ty không bị quốc hữu hóa, không bị tịch thu bằng biện pháp hành chính.
10. Các quyền khác do pháp luật quy định.
11. Có quyền đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty trong và ngoài nước để mở rộng sản xuất kinh doanh.
12. Chủ động trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh như lựa chọn khách hàng, ký kết các hợp đồng kinh tế, liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước.
13. Được quyền bảo vệ, quyền sở hữu công nghiệp như phát minh sáng chế, nhãn hiệu sản phẩm,....
14. Quyết định sử dụng phần thu nhập còn lại.
15. Đào tạo và đào tạo lại đội ngũ lao động bằng nhiều hình thức để nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn, trình độ quản lý để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh.
16. Kinh doanh những ngành nghề mà nhà nước không cấm.

**Điều 9: Nghĩa vụ của Công Ty<sup>3</sup>:**

1. Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng ký.
2. Lập sổ kế toán, ghi chép sổ kế toán, hóa đơn chứng từ và lập báo cáo tài chính trung thực, chính xác.
3. Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
4. Đảm bảo chất lượng hàng hóa, sản phẩm theo tiêu chuẩn đã đăng ký.
5. Kê khai và định kỳ báo cáo chính xác, đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh. Khi phát hiện thông tin đã kê khai, báo cáo là không chính xác, không đầy đủ hoặc giả mạo thì phải kịp thời hiệu đính lại các thông tin đó với cơ quan đăng ký kinh doanh.
6. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, tại địa phương; bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động.
7. Tuân thủ pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy chữa cháy. Bảo vệ và khai thác tài nguyên đúng theo quy định của nhà nước, bảo vệ môi trường và tuân thủ các quy định khác của Nhà nước.
8. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

<sup>3</sup> Theo điều 8 - Luật DN

**CHƯƠNG III**  
**VỐN - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG - CỔ TỨC**  
**MỤC 1 : VỐN**

**Điều 10:** Vốn điều lệ.

1. Vốn điều lệ của Công ty được góp bằng tiền hoặc bằng hiện vật và được hạch toán, theo dõi bằng một đơn vị thống nhất là đồng Việt Nam.
2. Vào ngày thông qua điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là: 17.000.000.000 đồng (Mười bảy tỉ đồng chẵn) tương đương 1.700.000 cổ phần; mệnh giá cổ phần là 10.000đ do các cổ đông của công ty đóng góp dưới hình thức mua cổ phiếu bằng tiền mặt hoặc hiện vật.
3. Vốn điều lệ của Công ty do các cổ đông đóng góp tự nguyện, mỗi cổ đông đều hoàn toàn chịu trách nhiệm về nguồn gốc vốn góp của mình. Công ty không chịu trách nhiệm về nguồn gốc vốn góp của các cổ đông.
4. Vốn điều lệ được sử dụng cho các mục đích :
  - a/ Mua sắm các loại TSCĐ cần thiết và cung cấp vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
  - b/ Phát triển kỹ thuật – nghiệp vụ.
  - c/ Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn, liên doanh với các đơn vị đối tác khác.
  - d/ Các dự trữ cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
  - e/ Kinh doanh theo nội dung giấy phép hoạt động của Công ty.
5. Không sử dụng vốn điều lệ để chia lợi tức cổ phần cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định ) không trái pháp luật.

**Điều 11:** Tăng giảm vốn điều lệ.

1. Vốn điều lệ của Công ty có thể được điều chỉnh theo sát tình hình từng thời kỳ hoạt động của Công ty để đáp ứng yêu cầu kinh doanh và đảm bảo các quyền lợi của các cổ đông. Mọi trường hợp tăng giảm vốn điều lệ phải do ĐHĐCĐ quyết định và phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và được tiến hành theo đúng quy định của pháp luật.
2. Tăng vốn : Khi có nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, Công ty có thể tăng vốn theo các phương thức sau đây :
  - a/ Tái đầu tư một phần hay toàn bộ lợi nhuận chưa phân phối.
  - b/ Chuyển các quỹ dự trữ, quỹ tích lũy thành vốn điều lệ.
  - c/ Gọi thêm vốn cổ phần bằng cách phát hành cổ phiếu mới. Cổ phần phổ thông mới dự kiến phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty. Công ty phải thông báo việc chào bán trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý (không ít hơn hai mươi mốt ngày), để cổ đông đặt mua. Những cổ phần không

được cổ đông đặt mua hết chịu sự kiểm soát của HĐQT, HĐQT có thể phân phối (hoặc tặng các quyền chọn mua) các cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp; với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông; trừ phi các cổ đông chấp thuận hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Trung tâm giao dịch chứng khoán.

3. Giảm vốn điều lệ :

Do quá dư vốn, Công ty trả bớt cho các cổ đông.

4. Công ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm và không có bảo đảm khi có phê chuẩn của ĐHCĐ, có thể phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền đặt mua, cho phép người nắm giữ chứng quyền được mua cổ phần phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## MỤC 2 : CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU

### Điều 12: Cổ phần.

1. Vốn điều lệ của công ty được chia thành những phần bằng nhau gọi là cổ phần; đó là một đơn vị vốn góp tối thiểu mà mỗi cổ đông tham gia đầu tư vào công ty khi thành lập.
2. Tất cả những cổ phần này đều là cổ phần phổ thông<sup>5</sup>, có quyền biểu quyết, có giá trị ngang nhau về mọi mặt.

### Điều 13: Hình thức cổ phiếu.

1. Cổ phiếu của Công ty là chứng chỉ của Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận người cầm giữ có quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.
2. Mọi chứng chỉ cổ phiếu phát hành phải được đóng dấu của Công ty, có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ này nêu rõ số lượng và loại cổ phần có liên quan, số tiền đã thanh toán, họ tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác mà Luật Doanh nghiệp quy định. Một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ được đại diện cho một loại cổ phần.
3. Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong sổ đăng ký cổ đông liên quan đến cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp cổ phiếu miễn phí trong vòng hai tháng sau khi mua hoặc chuyển nhượng.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh thì chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và một chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
5. Nếu một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy thì một chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần

tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người đó với điều kiện phải xuất trình giấy tờ chứng minh quyền sở hữu cổ phần tương ứng và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

6. Tất cả các mẫu chứng chỉ cổ phiếu hoặc trái phiếu hoặc các chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện hiện tại có liên quan đến các chứng chỉ có quy định khác, sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

<sup>5</sup> Điều lệ này chỉ quy định loại cổ phần là cổ phần phổ thông - chưa quy định cổ phần ưu đãi theo điều 52 - Luật Doanh nghiệp cho phép công ty cổ phần có thể phát hành.

7. Căn cứ các quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ và cho phép các cổ phần (bất kể là cổ phần có phát hành dưới dạng này hay không) được chuyển nhượng mà không nhất thiết phải có văn bản chuyển nhượng hoặc tùy từng thời điểm HĐQT có thể ban hành các quy định khác thay thế cho các quy định tương ứng trong Điều lệ này về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần.

#### **Điều 14: Sổ đăng ký cổ đông**<sup>6</sup>

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử trên máy tính hoặc cả hai; có đủ các nội dung - gồm: Tên, trụ sở của Công ty, tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán, số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị cổ phần đã góp, tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần<sup>7</sup>.
2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở của công ty hoặc nơi khác, nhưng phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả cổ đông biết.

#### **Điều 15: Chào bán và thu hồi cổ phần**<sup>8</sup>

##### **A/ Chào bán cổ phần :**

1. Khi hội đủ các điều kiện theo luật định, căn cứ theo quyết định của ĐHĐCĐ, Công ty sẽ làm các thủ tục xin cơ quan có thẩm quyền cho phép phát hành cổ phiếu nhằm huy động vốn cho Công ty. Việc phát hành thêm cổ phần mới phải được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và được ĐHĐCĐ quyết định.
2. HĐQT quyết định giá chào bán cổ phần nhưng không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán, trừ những trường hợp sau đây :
  - a/ Cổ phần chào bán lần đầu tiên sau khi đăng ký kinh doanh.
  - b/ Cổ phần chào bán cho các cổ đông theo tỉ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty.

c/ Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này giá chào bán cổ phần không thấp hơn giá thị trường trừ đi phần hoa hồng dành cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Hoa hồng được xác định bằng tỉ lệ % của giá trị cổ phần tại thời điểm chào bán.

<sup>6</sup> Theo điều 60 - Luật DN

<sup>7</sup> Điểm d - khoản 1 điều 60 - Luật DN.

<sup>8</sup> Theo điều 61 - Luật DN

3. Cổ phần đã được bán hoặc đã được chuyển nhượng khi ghi đúng và đủ những thông tin quy định của pháp luật vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần hoặc nhận chuyển nhượng cổ phần trở thành cổ đông của Công ty. Sau khi thanh toán đủ tiền mua cổ phần, Công ty tiến hành cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông.
4. Trường hợp cổ phiếu của công ty được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán, thủ tục và trình tự chào bán cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

#### **B/ Thu hồi cổ phần đã bán.**

Trong trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua cổ phần, thì HĐQT gửi thông báo cho cổ đông đó để yêu cầu thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất phát sinh và chi phí có liên quan đến việc chậm thanh toán. Thông báo phải quy định thời hạn thanh toán là 10 ngày kể từ ngày thông báo, địa điểm thanh toán và nếu cổ đông không thanh toán đúng theo yêu cầu thông báo thì cổ phần chưa thanh toán sẽ bị thu hồi. Cổ phần bị thu hồi không phát sinh cổ tức, nhưng cổ đông phải chịu trách nhiệm có liên quan trên cổ phần đó cho đến thời điểm bị thu hồi.

#### **Điều 16: Chuyển nhượng cổ phần.**

1. Chuyển nhượng cổ phần là quá trình chuyển quyền sở hữu dưới mọi hình thức như mua bán, biếu tặng, cho, thừa kế...từ cổ đông này sang một cổ đông khác hoặc một người khác không phải là cổ đông. Người chuyển nhượng và người được chuyển nhượng phải ký hợp đồng hoặc có chứng thư xác nhận việc chuyển nhượng.
2. Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác trừ các trường hợp do Luật Doanh nghiệp và điều lệ này quy định.
3. Việc chuyển nhượng cổ phiếu không ghi danh được tự do, không cần phải có sự chấp thuận của HĐQT trước khi chuyển nhượng nhưng phải tuân theo các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty. Sau khi chuyển nhượng, người nhận chuyển nhượng phải đăng ký với HĐQT và ghi vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
4. Việc chuyển nhượng cổ phiếu ghi danh phải được sự chấp thuận của HĐQT trước khi tiến hành chuyển nhượng. Trong thời hạn 60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn của các cổ đông xin chuyển nhượng cổ phần, HĐQT xem xét xử lý việc

- chuyển nhượng. Trường hợp không chấp thuận việc chuyển nhượng cổ phiếu, HĐQT phải thông báo rõ lý do cho các cổ đông.
5. Cổ phiếu của các thành viên HĐQT của Công ty không được chuyển nhượng trong thời gian đương nhiệm, trong trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng phải được sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông.
  6. Cổ phiếu của loại cổ phần do Nhà nước bán với giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp thành Công ty cổ phần là loại cổ phiếu có ghi tên và được chuyển nhượng, thừa kế theo Luật quy định.
  7. Cổ phiếu của mọi cổ đông không được mang ra thế chấp, cầm cố để vay mượn tài sản của Công ty.
  8. Khi Công ty tham gia thị trường chứng khoán thì việc chuyển nhượng cổ phiếu phải tuân theo các quy định hiện hành của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

#### Điều 17: Thừa kế cổ phần

1. Công ty tôn trọng quyền thừa kế cổ phần theo Luật Dân sự Việt nam quy định.
2. Trong trường hợp cổ đông qua đời, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất :
  - a/ Người thừa kế duy nhất theo luật định.
  - b/ Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử duy nhất một đại diện bằng thủ tục ủy quyền có công chứng nhằm thực hiện quyền của cổ đông. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế.
3. Người có quyền thừa kế hợp pháp được đăng ký quyền sở hữu các cổ phần được thừa kế để trở thành cổ đông mới, được hưởng mọi quyền lợi và phải gánh chịu nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế.
4. Cổ phiếu của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát cũng được tự do thừa kế nhưng người thụ nhận thừa kế chỉ được thừa kế quyền sở hữu cổ phiếu, không thể đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát.

<sup>o</sup>Theo điều 58 – Luật DN

### MỤC 3 : CỔ ĐÔNG

#### Điều 18: Quy định chung về cổ đông

1. Cổ đông của Công ty có thể là những tổ chức có tư cách pháp nhân hoặc các cá nhân đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty và có đủ điều kiện góp vốn đầu tư vào Công ty theo luật định. Trong suốt thời gian hoạt động, Công ty phải luôn có tối thiểu ba cổ đông.
2. Các quyền và lợi ích hợp pháp của người góp vốn với hình thức mua cổ phần của Công ty sẽ được Nhà nước công nhận và bảo hộ bởi luật pháp hiện hành.



3. Cổ đông được công nhận chính thức sau khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Công ty.
4. Cổ đông sáng lập là những cổ đông tham gia thông qua điều lệ đầu tiên của Công ty<sup>10</sup>. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông được gọi là cổ đông phổ thông.

**Điều 19 : Quyền của cổ đông phổ thông<sup>11</sup>**

1. Quyền của mọi cổ đông phổ thông nói chung :
  - a/ Quyền tham dự ĐHĐCĐ: Cổ đông được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Mỗi cổ đông (hoặc nhóm cổ đông) phổ thông đủ điều kiện tham dự ĐHĐCĐ theo quy định của bản điều lệ này có một phiếu biểu quyết, số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu.
  - b/ Quyền được nhận cổ tức với mức tương ứng theo số cổ phần sở hữu tùy theo kết quả kinh doanh của Công ty qua mỗi kỳ tổng kết quyết toán và tùy theo quyết nghị của ĐHĐCĐ về các phương án phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm.
  - c/ Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông đang nắm giữ trong Công ty.
  - d/ Quyền được nhận một phần tài sản còn lại khi công ty giải thể theo Luật định – theo tỉ lệ tương ứng với số cổ phần sở hữu – sau khi công ty đã thanh toán cho các chủ nợ và các cổ đông loại khác, nếu có.
  - e/ Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ này.
2. Quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng.
  - a/ Quyền yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bất thường – khi cần xem xét và giải quyết những công việc mà HĐQT và Giám Đốc vi phạm điều lệ hoặc không thực hiện đúng các Nghị quyết của HĐQT, khi có dấu hiệu bất thường về hoạt động tài chính, khi có dấu hiệu thất bại trong kinh doanh; hay gây thiệt hại cho Công ty, khi phát hiện thấy Ban giám đốc hoặc HĐQT có dấu hiệu tham nhũng hoặc cố ý gây thiệt hại cho Công ty. Trong các trường hợp này, HĐQT và Giám đốc phải triệu tập ĐHĐCĐ chậm nhất 30 ngày làm việc kể từ khi có yêu cầu từ nhóm cổ đông này.

<sup>10</sup> Theo khoản 10 - điều 3 - Luật DN

<sup>11</sup> Theo điều 53 - Luật DN

- b/ Đề cử người vào HĐQT và Ban kiểm soát.
  - c/ Xem và nhận bản sao danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ.
  - d/ Quyền được thông tin thường xuyên và đột xuất về tình hình hoạt động mọi mặt của Công ty; được quyền yêu cầu HĐQT cung cấp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh có liên quan đến quyền lợi cổ đông (trừ những bí mật về hoạt động kinh doanh của Công ty).
  - e/ Quyền được kiểm tra việc thực hiện điều lệ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ.
3. Cổ đông can án hoặc phá sản mà vụ việc không liên quan trực tiếp đến Công ty vẫn được tiếp tục hưởng các quyền lợi ở Công ty tương ứng với số cổ phần mình đang sở hữu.

**Điều 20: Trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông**<sup>13</sup>

1. Cổ đông có trách nhiệm thanh toán đủ và đúng hạn số tiền mua cổ phần và phải mua hết số cổ phần đã cam kết mua - tuân thủ các quy định của điều lệ này về việc góp vốn.
2. Chịu trách nhiệm về số lãi - lỗ của Công ty tương ứng với số cổ phần sở hữu và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
3. Tuân thủ điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành nghiêm chỉnh các nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT.
5. Giám sát và góp ý kiến về hoạt động của HĐQT và Ban Giám Đốc.
6. Cổ đông tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc vốn góp.
7. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty.
8. Sự vỡ nợ hay can án của cổ đông không làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, nhưng phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Công ty.

**MỤC 4 : CỔ TỨC**

**Điều 21: Trả cổ tức**<sup>14</sup>

1. Cổ tức là lợi tức hàng năm được trích từ lợi nhuận của Công ty để trả cho mỗi cổ phần. Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật - và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ khác đến hạn phải trả.

<sup>13</sup> Theo điều 54 Luật DN

<sup>14</sup> Theo điều 67 Luật DN

2. Chậm nhất 30 ngày làm việc trước mỗi lần trả cổ tức, HĐQT phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi đến tất cả các cổ đông chậm nhất 15 ngày làm việc trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ số cổ phần của từng loại cổ đông, mức cổ tức đối với từng loại cổ phần, tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.
3. Tùy thuộc vào tình hình hiệu quả kinh doanh cho phép, HĐQT có thể quyết định ứng trước cổ tức cho các cổ đông theo từng hạn quý, 6 tháng hoặc một năm.
4. Trường hợp cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc thành viên lưu ký.

370  
C  
C  
L  
I  
T  
T  
O  
B  
I  
N  
A  
U

**Điều 22: Thu hồi tiền thanh toán cổ tức .**

Trường hợp việc thanh toán tiền cổ tức trái với quy định của pháp luật thì các cổ đông đã nhận cổ tức phải hoàn trả lại cho Công ty. Nếu có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và các thành viên HĐQT phải cùng liên đới chịu trách nhiệm.

**MỤC 5 : MUA LẠI CỔ PHẦN**

**Điều 23: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông <sup>15</sup>**

1. Các cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình nếu có biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền và nghĩa vụ của cổ đông quy định trong điều lệ.  
Yêu cầu này phải lập thành văn bản nêu rõ số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến HĐQT trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ĐHCĐ thông qua quyết định về các vấn đề nêu tại khoản 1 điều này.
2. Trong thời hạn 90 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông với giá thị trường hoặc giá được định theo nguyên tắc quy định trong một quy chế riêng của Công ty. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có quyền yêu cầu Trọng tài kinh tế hoặc toà án giải quyết theo luật định.

<sup>15</sup> Theo điều 64 - Luật DN

**Điều 24: Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty <sup>16</sup>**

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần loại khác đã bán theo quy định sau đây :

1. Việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại sẽ do ĐHCĐ quyết định. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần sẽ do HĐQT quyết định.
2. HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông: giá mua lại không cao hơn giá thị trường tại thời điểm giao dịch, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều này. Đối với cổ phần loại khác: nếu các cổ đông có liên quan không có thỏa thuận nào khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm giao dịch.
3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỉ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải được nêu rõ tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại trên nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ

trong Công ty. Cổ đông phải gửi chào bán cổ phần của mình đến công ty trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thông báo.

**Điều 25: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại**<sup>17</sup>

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán hết các cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại điều 23 và điều 24 của Bản điều lệ này, nếu ngay sau khi thanh toán, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.
2. Tất cả các cổ phần được mua lại theo quy định tại điều 23 và điều 24 của Bản điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán trong số cổ phần được quyền chào bán.
3. Sau khi thanh toán hết các cổ phần được mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo điều đó cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các cổ phần được mua lại.

<sup>16</sup> Theo điều 65 – Luật DN

<sup>17</sup> Theo điều 66 – Luật DN

## CHƯƠNG IV TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT

### Mục 1 : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

**Điều 26: Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và điều kiện tiến hành.**

**A/ Đại hội đồng cổ đông**

1. ĐHCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Tất cả các cổ đông đều có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

**B/ Điều kiện tiến hành ĐHCĐ**<sup>18</sup>

1. Cuộc họp ĐHCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 60% số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp ĐHCĐ triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Cuộc họp ĐHCĐ triệu tập lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.

4. Chỉ có ĐHĐCĐ mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo giấy mời họp theo quy định trong điều lệ này.

**Điều 27: Đại hội đồng cổ đông thường niên .**

1. ĐHĐCĐ thường niên mỗi năm họp một lần do chủ tịch HĐQT triệu tập trong thời gian 3 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Quyền hạn và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ thường niên <sup>19</sup>:
  - a/ Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.
  - b/ Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.
  - c/ Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty.
  - d/ Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty.

<sup>18</sup> Theo điều 76 - Luật DN

<sup>19</sup> Theo điều 70 - Luật DN

- e/ Quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ. Trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán trong quy định điều lệ Công ty.
- f/ Thông qua báo cáo và đề nghị của HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh, quyết toán năm tài chính; phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ - thông qua báo cáo của Ban kiểm soát.
- g/ Thông qua định hướng phát triển của công ty, quyết định việc mua, bán, vay, cho vay và các loại hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trong sổ kế toán của Công ty.
- i/ Quyết định việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
- j/ Quyết định việc huy động vốn bằng phát hành cổ phiếu có quy mô lớn từ 50% vốn điều lệ trở lên của Công ty.
- k/ Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này.

**Điều 28: Đại hội đồng cổ đông bất thường .**

1. Lý do và điều kiện triệu tập ĐHĐCĐ bất thường: trường hợp phát sinh những vấn đề có tính cấp bách ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của Công ty, ĐHĐCĐ bất thường được triệu tập theo yêu cầu của một trong các đối tượng sau đây <sup>20</sup>:
  - a/ Theo quyết định của HĐQT.
  - b/ Theo yêu cầu của nhóm cổ đông đa số.
  - c/ Theo quyết định của Ban kiểm soát trong trường hợp HĐQT ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý quy định tại điều 86 Luật Doanh nghiệp.
2. Quyền hạn và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ bất thường :

- a/ Quyết định các chủ trương xử lý các vấn đề bất thường và các tranh chấp tố tụng nghiêm trọng.
- b/ Xem xét những sai phạm của HĐQT, của Ban kiểm soát, bãi miễn và bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát vi phạm điều lệ gây thiệt hại cho công ty hoặc khi có những lý do chính đáng khác, hoặc khi khiếm khuyết số thành viên vượt quá tỷ lệ quy định tại điều lệ này.
- c/ Biểu quyết sửa đổi bổ sung điều lệ.
- d/ Xử lý các vấn đề gây thay đổi lớn, đột biến trong Công ty.
- e/ Tuyên bố phá sản hoặc quyết định thanh lý, giải thể Công ty.
- g/ Xử lý các vấn đề cấp bách khác.

**Điều 29: Thể thức triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ.**

1. Triệu tập ĐHĐCĐ<sup>21</sup>:

- a/ HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ thường niên trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, hoặc ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của các đối tượng có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 điều 28 nói trên.

<sup>20</sup> Theo khoản 2 - điều 71 - Luật DN

<sup>21</sup> Theo khoản 3 và 4 điều 71 - Luật DN

- b/ Trường hợp HĐQT không triệu tập thì Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT để triệu tập ĐHĐCĐ.
- c/ Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập thì nhóm cổ đông đa số có quyền thay thế HĐQT, Ban kiểm soát để triệu tập ĐHĐCĐ. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành ĐHĐCĐ sẽ được Công ty hoàn lại.
- d/ Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ, cung cấp thông tin và giải quyết các khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi giấy mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định trong điều lệ này.

2. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ phải được gửi bằng thư cho các cổ đông chậm nhất 7 ngày trước ngày khai mạc. Trường hợp cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thì thông báo triệu tập ĐHĐCĐ phải theo các quy định hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ phải ghi rõ địa điểm, ngày giờ và nội dung cuộc họp kèm theo chương trình nghị sự và các tài liệu thảo luận làm cơ sở để thông qua các quyết định. Trường hợp có những vấn đề đặc biệt, thông báo còn phải ghi rõ tính chất tổng quát của vấn đề cần được giải quyết và luôn có một câu nhắc nhở: "Cổ đông nào nếu không tham dự được thì có quyền chỉ định một đại diện tham dự và biểu quyết. Người đại diện không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty".



3. Ban tổ chức đại hội có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách của cổ đông hoặc người đại diện tham dự đại hội, lập danh sách hiện diện (ghi số cổ phần sở hữu, cổ phần hiện diện).
4. Đại hội thường niên do chủ tịch HĐQT làm chủ tọa. Nếu chủ tịch HĐQT vắng mặt có thể ủy nhiệm cho Phó chủ tịch HĐQT làm chủ tọa. ĐHĐCĐ thành lập thì cổ đông đại diện vốn nhà nước làm chủ tọa (Nếu có vốn Nhà nước tham gia). Đại hội bất thường do ai triệu tập thì người đó làm chủ tọa.
5. Chủ tọa thông qua đại hội bầu Thư ký đại hội và Ban kiểm phiếu.
6. Biên bản ĐHĐCĐ được ghi vào sổ biên bản, có chữ ký của chủ tọa, thư ký sau phiên họp. Các trích lục biên bản phải có chữ ký của chủ tịch HĐQT hoặc hai ủy viên HĐQT.

**Điều 30: Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ <sup>22</sup>**

1. Khi có quyết định triệu tập ĐHĐCĐ, danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty và phải lập xong chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ.

<sup>22</sup>Theo điều 72 - Luật DN

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có tên, địa chỉ thường trú của cổ đông cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở của cổ đông pháp nhân; số lượng cổ phần mỗi loại của từng cổ đông.
3. Mỗi cổ đông đều có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông, có quyền dự họp ĐHĐCĐ.
4. Mỗi cổ đông đều có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ.

**Điều 31: Chương trình và nội dung họp ĐHĐCĐ <sup>23</sup>**

1. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải chuẩn bị chương trình và nội dung họp.
2. Nhóm cổ đông đa số có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và gửi đến Công ty chậm nhất 7 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, các vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Người triệu tập ĐHĐCĐ chỉ có quyền từ chối các kiến nghị quy định tại khoản 2 điều này nếu có một trong các trường hợp sau :
  - a/ Kiến nghị gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.
  - b/ Vấn đề được kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

**Điều 32: Quyền dự họp và ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ.**

**A/ Quyền dự họp ĐHĐCĐ<sup>24</sup>**

1. Cổ đông có thể trực tiếp, trừ quy định tại khoản 3 điều này, hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác đại diện mình dự họp ĐHĐCĐ. Người đại diện không nhất thiết là cổ đông của Công ty.
2. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc ĐHĐCĐ, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

**B/ Ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ**

1. Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản. Trong trường hợp bên ủy quyền là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải được người đại diện hợp pháp của pháp nhân đó ký, đóng dấu mới có giá trị.

<sup>23</sup>Theo điều 73 – Luật DN

<sup>24</sup>Theo điều 75 – Luật DN

1. Người được ủy quyền phải trình cho Ban tổ chức đại hội văn bản ủy quyền trước khi khai mạc đại hội mới được thực hiện các quyền hạn được ủy quyền.
2. Người được ủy quyền được biểu quyết bầu cử tại ĐHĐCĐ nhưng không được đề cử ứng cử tại ĐHĐCĐ với tư cách cá nhân.
3. Văn bản ủy quyền chỉ có giá trị trong một lần đại hội. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.
4. Người ủy quyền có thể hủy bỏ việc ủy quyền bằng cách lập văn bản thông báo gửi cho Ban tổ chức đại hội.

**Điều 33: Thông qua và yêu cầu hủy bỏ các quyết định của ĐHĐCĐ<sup>25</sup>**

**A/ Thông qua các quyết định của ĐHĐCĐ**

1. ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại các phiên họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua tại cuộc họp khi :
  - a/ Được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
  - b/ Đối với quyết định: về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại, về việc sửa đổi bổ sung điều lệ, về việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty, về việc bán hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trong sổ sách kế toán của Công ty, thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
  - c/ Biểu quyết tại đại hội phải công khai, trực tiếp và bỏ phiếu kín.
  - d/ Mỗi cổ đông có số phiếu biểu quyết được tính bằng số cổ phần mà họ sở hữu hoặc đại diện sở hữu.



- e/ Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận. Trong trường hợp này để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT phải tiến hành các công việc sau : quyết định danh mục các vấn đề cần hỏi ý kiến, gửi phiếu hỏi ý kiến kèm theo tài liệu liên quan đến tất cả các cổ đông có quyền dự ĐHĐCĐ, thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản về kết quả kiểm phiếu, thông báo kết quả hỏi ý kiến và các quyết định được thông qua đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 7 ngày làm việc.
3. Quyết định hợp lệ của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày được thông qua. Những quyết định này có hiệu lực thi hành đối với tất cả cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến .

<sup>25</sup> Theo điều 77 – Luật DN

#### **B/ Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ<sup>26</sup>**

Trong thời hạn 90 ngày làm việc kể từ ngày quyết định được thông qua, các cổ đông, thành viên HĐQT, Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu tòa án xem xét và hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau :

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ này.
2. Nội dung quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ này.

#### **Điều 34: Biên bản họp ĐHĐCĐ<sup>27</sup>**

Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi vào sổ biên bản có các nội dung chủ yếu sau:

1. Thời gian, địa điểm họp, chương trình làm việc, chủ tọa và thư ký.
2. Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ.
3. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ; số phiếu chấp thuận, số phiếu chống, số phiếu trắng; các vấn đề đã được thông qua.
4. Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết.
5. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

## **Mục 2 : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 35: Hội đồng quản trị (HĐQT)<sup>28</sup>**

1. HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty giữa 2 kỳ Đại hội có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.
  3. HĐQT gồm 5 (năm) thành viên, do ĐHĐCĐ bầu hoặc miễn nhiệm, bằng hình thức trực tiếp bỏ phiếu kín. Thành viên của HĐQT được trúng cử với đa số phiếu tính theo số cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng phải đạt tín nhiệm của các cổ đông đại diện cho ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết hiện diện tán thành.  
HĐQT bầu và bãi miễn trong số các thành viên của HĐQT vào cơ quan thường trực của HĐQT gồm: Chủ tịch HĐQT, một Phó chủ tịch HĐQT và một ủy viên thường trực HĐQT, để tiếp nhận công việc, xử lý thường trực và trình HĐQT giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Thường trực HĐQT quyết định và ban hành văn bản điều hành Công ty trong phạm vi ủy quyền của HĐQT.
- <sup>26</sup> Theo điều 79 - Luật DN  
<sup>27</sup> Theo điều 78 - Luật DN  
<sup>28</sup> Theo điều 80 - Luật DN
4. Các thành viên HĐQT-kể cả Chủ tịch HĐQT, đều có thể kiêm Giám đốc Công ty.
  5. **Nhiệm kỳ của HĐQT** là 5 năm. Các thành viên HĐQT có thể được bầu lại. Trong nhiệm kỳ, ĐHĐCĐ có thể bãi miễn và bầu bổ sung thành viên HĐQT thay thế cho đến hết nhiệm kỳ.

**Điều 36: Tiêu chuẩn ứng cử thành viên HĐQT.**

Thành viên HĐQT phải là người có đủ các điều kiện sau :

1. Phải có trình độ học vấn hoặc có kinh nghiệm, năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp.
2. Có sức khỏe tốt, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành luật pháp và điều lệ Công ty.
3. Không thuộc các đối tượng được quy định tại điều 9 của Luật Doanh nghiệp.
4. Là cổ đông hoặc là người đại diện hợp pháp cho cổ đông pháp nhân. Sở hữu hoặc đại diện cho nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần 10% vốn điều lệ trở lên trong thời hạn liên tục 6 tháng.

**Điều 37: Quyền hạn của HĐQT**<sup>29</sup>

1. Quyết định chiến lược phát triển của Công ty.
2. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
3. Quyết định phương án đầu tư mới, mở rộng sản xuất kinh doanh.
4. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị, công nghệ, sản phẩm mới, thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các loại hợp đồng khác có giá trị đến dưới 50% giá trị tài sản ghi trong sổ sách kế toán của Công ty.



5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng. Quyết định mức lương và các lợi ích khác của các cán bộ quản lý.
6. Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy; quy chế quản lý nội bộ Công ty. Quyết định thành lập hoặc giải thể Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác.
7. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty, định giá tài sản góp vốn không phải là tiền đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi vàng bạc, đá quý.
8. Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại.
9. Quyết định các loại định mức kinh tế kỹ thuật – kế hoạch kinh doanh hàng năm và phương án trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật .... do Giám đốc Công ty đệ trình.
10. Quyết định ban hành các quy chế về: tiền lương, khen thưởng, kỷ luật tuyển dụng, cho thôi việc nhân viên của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật. Quyết định mức bồi thường vật chất khi nhân viên gây thiệt hại cho Công ty.

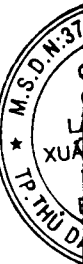
<sup>29</sup> Theo điều 80 – Luật DN

11. Ấn định về việc trích lập các quỹ thuộc thẩm quyền và cách thức sử dụng quỹ theo quyết nghị của ĐHĐCĐ.
12. HĐQT có thể đình chỉ các quyết định của Giám Đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm điều lệ, nghị quyết và các quy định của HĐQT, hoặc làm phương hại đến lợi ích của Công ty.
13. Xem xét và ủy quyền cho Giám đốc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi và tài sản của Công ty.
14. Xem xét quyết định việc chuyển nhượng các cổ phiếu có ghi danh quy định HĐQT không được phép – trực tiếp hay gián tiếp – cho vay hay cho mượn tài sản Công ty để thế chấp hoặc bảo lãnh nợ cho các đối tượng :
  - a/ Cổ đông của Công ty.
  - b/ Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám Đốc, Phó Giám Đốc và các chức danh chủ chốt theo cơ cấu tổ chức của Công ty.
15. Các quyền hạn khác được quy định cụ thể theo Luật Doanh nghiệp và điều lệ này

**Điều 38 : Trách nhiệm của HĐQT<sup>30</sup>**

HĐQT chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về những việc sau :

1. Sau khi ĐHĐCĐ thành lập, những người được bầu vào các chức danh HĐQT có trách nhiệm tiếp tục thực hiện những phần việc còn lại của phương án thành lập Công ty.
2. Quản trị công ty theo đúng luật pháp nhà nước, điều lệ và nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật, vi phạm điều lệ, những sai phạm trong quản trị gây thiệt hại cho Công ty.



3. Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát toàn bộ các hoạt động kinh doanh của Giám Đốc Công ty để bảo đảm thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và của ĐHĐCĐ.
  4. Khi có yêu cầu, HĐQT có trách nhiệm cung cấp và công bố các thông tin tài liệu cần thiết, trả lời các câu hỏi chất vấn của Ban kiểm soát, các cổ đông, các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo luật định và theo điều lệ này.
  5. Chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu và tổ chức ĐHĐCĐ định kỳ và bất thường. Triệu tập ĐHĐCĐ hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến đến ĐHĐCĐ thông qua quyết định.
  6. Trình ĐHĐCĐ quyết định các vấn đề :
    - a/ Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; tăng vốn điều lệ và chuyển nhượng vốn cổ phần.
    - b/ Kiến nghị các chiến lược và kế hoạch phát triển trung - dài hạn của Công ty; chiến lược và kế hoạch huy động vốn.
- <sup>30</sup> Theo điều 80 - Luật DN
- c/ Báo cáo hoạt động của HĐQT, kết quả kinh doanh, báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức.
  - d/ Kiến nghị mức cổ tức được trả, thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc quyết định xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
  - e/ Kiến nghị sửa đổi hoặc bổ sung điều lệ công ty, kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.
  - f/ Đề án thực hiện nhiệm vụ đối ngoại và quan hệ với các đối tác.
7. Các trách nhiệm khác được quy định cụ thể theo Luật Doanh nghiệp và điều lệ này.

**Điều 39: Hoạt động của HĐQT<sup>31</sup>**

1. HĐQT họp thường kỳ mỗi quý 1 lần, trong các trường hợp đặc biệt, khoảng cách giữa 2 kỳ họp cũng không vượt quá 4 tháng.
2. Trường hợp cần thiết, HĐQT có thể họp phiên bất thường theo yêu cầu của :
  - a/ Thường trực HĐQT.
  - b/ Ban kiểm soát.
  - c/ Ít nhất 2/3 số thành viên HĐQT.
  - d/ Giám đốc Công ty.
3. HĐQT có quyền thông qua các quyết định bằng việc tiến hành cuộc họp, bằng văn bản có chữ ký của các thành viên HĐQT, hoặc bằng hỏi ý kiến qua thư tín, qua fax.
  - a/ Thông qua quyết định của HĐQT tại cuộc họp :
    - Cuộc họp HĐQT có đủ điều kiện tiến hành khi có từ 2/3 số thành viên trở lên tham dự.

- Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.
- b/ Thông qua quyết định của HĐQT bằng cách hỏi ý kiến : thể thức thông qua quyết định của HĐQT bằng cách hỏi ý kiến được thực hiện như thể thức thông qua quyết định của ĐHĐCĐ quy định trong điều lệ này.
- 4. Cuộc họp của HĐQT phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp HĐQT. Các quyết định, nghị quyết của HĐQT được ban hành phải dựa trên cơ sở của biên bản của họp HĐQT.

**Điều 40 : Các trường hợp mất tư cách thành viên HĐQT.**

1. Chủ tịch, Phó chủ tịch, thành viên HĐQT muốn từ chức hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch, phó chủ tịch và  
<sup>31</sup>Theo điều 82 - Luật DN  
các thành viên HĐQT của Công ty thì phải có đơn, văn bản gửi đến HĐQT của Công ty. HĐQT Công ty sẽ xem xét và quyết định trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn
2. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bị mất tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau đây:
  - a/ Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
  - b/ Từ chức.
  - c/ Tự ý bỏ nhiệm sở, hoặc không hoàn thành trách nhiệm theo điều lệ quy định.
  - d/ Trở thành các đối tượng bị hạn chế quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo điều 9 của Luật Doanh nghiệp.
  - e/ Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân.
  - f/ Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân.
  - g/ Công ty cổ phần bị giải thể trước thời hạn theo quy định của tòa án.
3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT thì Phó Chủ tịch lên thay; Phó chủ tịch đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT thì HĐQT bầu ủy viên thường trực HĐQT làm chủ tịch để đảm nhiệm công việc của Chủ tịch cho đến khi Chủ tịch mới được bầu.
4. Trường hợp cả Chủ tịch, Phó chủ tịch và ủy viên thường trực HĐQT đều đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT theo quy định thì các thành viên còn lại của HĐQT phải cử ngay một thành viên trong số họ để đảm nhận công việc của Chủ tịch. Nếu số thành viên còn lại của HĐQT không đủ 2/3 thì các thành viên này phải cùng với Ban kiểm soát cử ngay một thành viên trong số họ đảm nhận công việc của Chủ tịch HĐQT và triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để bầu đủ số lượng các chức danh trong HĐQT.

5. Trường hợp giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên, số thành viên HĐQT bị giảm quá 1/3 so với số thành viên quy định trong điều lệ này thì HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn 60 ngày làm việc để bầu bổ sung. Mọi trường hợp khuyết thành viên HĐQT khác sẽ chờ ĐHĐCĐ gần nhất bầu thành viên mới thay thế cho thành viên đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

**Điều 41 : Phân công nhiệm vụ và quyền hạn giữa các thành viên trong HĐQT.**

1. Chủ tịch HĐQT có nhiệm vụ và quyền hạn như sau <sup>32</sup>:
- a/ Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT và phân công các thành viên thực hiện kiểm tra giám sát hoạt động của Công ty.
  - b/ Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa các phiên họp thường kỳ hoặc bất thường của HĐQT.
  - c/ Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT – dưới những hình thức khác ngoài hình thức cuộc họp.
- <sup>32</sup> Theo điều 81 – Luật DN
- d/ Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.
  - e/ Chủ tọa họp ĐHĐCĐ;
  - f/ Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền, theo thứ tự, cho Phó chủ tịch, ủy viên thường trực HĐQT hoặc thành viên khác của HĐQT thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT.
2. Phó chủ tịch HĐQT có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ do Chủ tịch phân công, thay mặt Chủ tịch thực thi công việc được ủy quyền trong thời gian Chủ tịch vắng mặt.
3. Thành viên HĐQT trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được HĐQT phân công và không ủy quyền cho người khác. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên HĐQT như sau :
- a/ Nghiên cứu, đánh giá tình hình kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.
  - b/ Được quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc và các cán bộ chức danh trong công ty cung cấp đầy đủ mọi thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, về hoạt động của công ty và của các đơn vị trong Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình<sup>33</sup>.
  - c/ Tham dự phiên họp HĐQT, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ và trước HĐQT về những ý kiến của mình.
  - d/ Nghiêm túc thực hiện điều lệ của Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ, thực hiện nghị quyết HĐQT có liên quan đến từng thành viên và theo sự phân công của HĐQT.
  - e/ Nếu có vốn nhà nước tham gia, người trực tiếp quản lý phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

**Điều 42 : Quyền lợi của thành viên HĐQT.**

1. Mọi chi phí hoạt động của HĐQT được tính vào chi phí quản lý công ty.
2. HĐQT được hưởng thù lao theo chức năng công việc do ĐHĐCĐ quyết định.

**Mục 3 : BAN GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC**

**Điều 43 : Bộ máy điều hành công ty.**

1. Bộ máy điều hành công ty gồm có:
  - a/ Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, trực tiếp chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc tổ chức điều hành quản lý các hoạt động tác

<sup>33</sup>Theo điều 83 - Luật DN

nghiệp hàng ngày, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của công ty và thi hành các quyết nghị, quyết định của HĐQT theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

- b/ Giúp việc cho Giám đốc có các Phó Giám đốc (số lượng tùy theo nhu cầu và quy mô của Công ty) do HĐQT bổ nhiệm và bãi, miễn nhiệm. Phó Giám đốc được Giám đốc phân công và ủy nhiệm quản lý điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của công ty. Phó Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc và cùng chịu trách nhiệm liên đới với Giám đốc trước HĐQT về các phần việc được phân công hoặc ủy nhiệm.
  - c/ Cán bộ quản lý các cấp trong cơ cấu tổ chức của Công ty có chức năng tham mưu giúp việc cho Giám đốc trong quản lý điều hành công việc của Công ty.
2. Lương và phụ cấp của Giám đốc, Phó Giám đốc và các chức danh chủ chốt trong cơ cấu tổ chức của Công ty do HĐQT ấn định theo quy chế lao động tiền lương phụ cấp, thưởng phạt trong Công ty và được HĐQT quyết định.
  3. Nếu Giám đốc Công ty không phải là thành viên HĐQT thì chế độ làm việc căn cứ trên hợp đồng lao động.

**Điều 44 : Giám Đốc .**

1. Giám đốc Công ty do HĐQT bổ nhiệm và ủy nhiệm các quyền hạn cần thiết để thi hành các nghị quyết của ĐHĐCĐ và quyết định của HĐQT.
2. Trong trường hợp Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm Giám đốc thì HĐQT có thể bổ nhiệm Giám đốc từ một người trong số thành viên HĐQT hoặc thuê người khác nhưng không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Giám đốc được phép thay mặt công ty trong mọi hoạt động giao dịch với các cơ quan nhà nước và các đơn vị kinh tế đối tác khác. Giám Đốc là người chịu trách nhiệm liên đới cùng với Chủ tịch HĐQT về toàn bộ các hoạt động của Công ty trước pháp luật.
4. Giám đốc, Phó Giám đốc có thể bị cách chức hoặc bãi nhiệm trong các trường hợp sau :

- a/ Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.
  - b/ Từ chức và được HĐQT xem xét chấp thuận.
  - c/ Tự ý bỏ nhiệm sở, hoặc điều hành Công ty vi phạm pháp luật, không tuân thủ điều lệ của Công ty và các quyết nghị của HĐQT, của ĐHĐCĐ.
  - d/ Xét thấy không đủ năng lực để đảm nhiệm các chức vụ điều hành Công ty.
  - e/ Trở thành các đối tượng bị hạn chế quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo điều 9 Luật Doanh nghiệp.
  - f/ Công ty cổ phần bị giải thể trước thời hạn theo quy định của tòa án.
5. Việc cách chức, bãi miễn – nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc phải có sự nhất trí của trên 2/3 thành viên HĐQT.

**Điều 45 : Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám Đốc<sup>34</sup>**

1. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, chấp hành luật pháp trong mọi hoạt động.
2. Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.
3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty (trừ các chức danh do HĐQT quyết định).
4. Dựa vào các quyết định, quy định, quy chế có liên quan đã được HĐQT Công ty ban hành để quyết định lương, thưởng phạt và các chế độ phúc lợi đối với người lao động trong Công ty, kể cả các cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc.
5. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch, chương trình hoạt động và các phương án bảo vệ, cạnh tranh, khai thác nguồn lực của Công ty – các phương án huy động vốn cho Công ty để đệ trình HĐQT phê duyệt.
6. Xây dựng và đệ trình HĐQT quy chế định giá bán hàng hóa, sản phẩm của Công ty, các chính sách tiêu chuẩn đầu tư của Công ty nhằm hạn chế rủi ro và phù hợp theo điều kiện kinh tế từng thời kỳ.
7. Đệ trình HĐQT phê duyệt kế hoạch đầu tư gián tiếp (mua cổ phiếu, trái phiếu), hoặc đầu tư trực tiếp vào các dự án hợp tác đầu tư với các bên trong và ngoài nước bằng nguồn vốn do Công ty quản lý.
8. Xây dựng và đệ trình HĐQT ban hành tất cả các định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá, giá dịch vụ trong nội bộ Công ty. Thực hiện và kiểm tra các phòng ban, các đơn vị trực thuộc thực hiện các quyết định về định mức, tiêu chuẩn, đơn giá.
9. Chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước và lập phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận còn lại của Công ty đệ trình HĐQT phê duyệt.
10. Xây dựng và đệ trình HĐQT phê duyệt biên chế bộ máy Công ty và phương án điều chỉnh tổ chức; thành lập hoặc giải thể các đơn vị trực thuộc công ty;
11. Ban hành các quyết định, ký kết các hợp đồng kinh tế theo ủy quyền và sự phân cấp quản lý của HĐQT – tổ chức điều hành phối hợp và kiểm tra các hoạt động





- của Công ty theo phương hướng và kế hoạch của HĐQT đề ra. Đề xuất với HĐQT cách giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài kế hoạch, chương trình.
12. Đề nghị HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh chủ chốt theo cơ cấu tổ chức của Công ty. Phân công và ủy nhiệm cho các Phó giám đốc phụ trách từng lĩnh vực hoạt động.
  13. Thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên và đột xuất với HĐQT và Ban kiểm soát, xây dựng các báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính hàng tháng, quý, 6 tháng và năm để trình HĐQT phê duyệt.
  14. Chuẩn bị đầy đủ báo cáo theo chương trình nghị sự ĐHĐCĐ do HĐQT hoặc Ban kiểm soát yêu cầu.
- <sup>34</sup> Theo điều 85 - Luật DN
15. Đề nghị HĐQT triệu tập cuộc họp bất thường để giải quyết những vấn đề vượt quá thẩm quyền của Giám đốc hoặc những biến động lớn trong Công ty.
  16. Được đưa ra các quyết định vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó; đồng thời phải báo cáo ngay cho HĐQT và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải quyết tiếp.
  17. Giám đốc không được làm việc cho bất kỳ một tổ chức, cá nhân nào khác.
  18. Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác do HĐQT ủy nhiệm.

**Điều 46: Tiêu chuẩn tuyển chọn Giám đốc Công ty.**

1. Không thuộc các đối tượng được quy định tại điều 9 Luật Doanh nghiệp.
2. Phải có kinh nghiệm, trình độ quản lý và điều hành sản xuất và kinh doanh của Công ty.
3. Không kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản trị điều hành nào tại các tổ chức kinh tế khác.

**Điều 47: Từ nhiệm và đương nhiên mất tư cách Giám đốc.**

1. Khi Giám Đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi HĐQT, trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn, HĐQT phải xem xét và quyết định.
2. Giám Đốc đương nhiên mất tư cách Giám đốc khi xảy ra một trong các trường hợp sau :
  - a/ Tự ý bỏ nhiệm sở.
  - b/ Trở thành các đối tượng bị hạn chế quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo điều 9 Luật Doanh nghiệp.
  - c/ Công ty cổ phần bị giải thể trước thời hạn theo quy định của tòa án.
3. Trong trường hợp Giám đốc bị mất tư cách, HĐQT phải cử ngay một người có đủ điều kiện để đảm nhiệm công việc của Giám đốc. Trong thời hạn tối đa 30 ngày

làm việc HĐQT phải tìm ngay người để thay thế và tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Giám đốc mới.

#### **Mục 4 : BAN KIỂM SOÁT**

##### **Điều 48 : Ban kiểm soát<sup>35</sup>**

1. Ban kiểm soát là người thay mặt ĐHĐCĐ để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và bộ máy điều hành của Giám đốc.
  2. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty trong khi thực hiện nhiệm vụ.
- <sup>35</sup> Theo điều 88 và 91 – Luật DN
3. Ban kiểm soát có từ 3 đến 5 thành viên do ĐHĐCĐ bầu hoặc bãi nhiệm, miễn nhiệm với đa số phiếu bằng thể thức trực tiếp và bỏ phiếu kín.
  4. Ban kiểm soát tự bầu ra một thành viên làm Trưởng ban kiểm soát.
  5. Các chi phí cho hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí quản lý của Công ty. Ban kiểm soát được hưởng thù lao theo chức năng công việc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
  6. **Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát** cùng nhiệm kỳ với thành viên HĐQT và kéo dài thêm 90 ngày làm việc để giải quyết các công việc tồn đọng. Trong nhiệm kỳ, nếu có khiếm khuyết thành viên Ban kiểm soát thì ĐHĐCĐ gần nhất phải bầu bổ sung theo thể thức bầu trực tiếp và bỏ phiếu kín.

##### **Điều 49 : Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban kiểm soát<sup>36</sup>**

1. Thành viên Ban kiểm soát phải là cổ đông của Công ty .
2. Có trình độ, am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.
3. Trong số thành viên Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên có trình độ chuyên môn về tài chính kế toán để hoạt động trong suốt nhiệm kỳ.
4. Những người không được làm thành viên Ban kiểm soát :
  - a/ Thành viên của HĐQT, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty và những người có liên quan họ hàng thân thuộc đến các đối tượng này ngoại trừ đại diện của cổ đông là pháp nhân.
  - b/ Người đang bị truy cứu hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề vì các tội : buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội danh khác theo quy định của pháp luật.

##### **Điều 50 : Từ chức, từ nhiệm và mất tư cách thành viên Ban kiểm soát.**

1. Trưởng ban kiểm soát muốn từ chức phải được sự nhất trí của các thành viên còn lại.

2. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ nhiệm hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay thế người đại diện mình đang làm thành viên Ban kiểm soát thì phải gửi văn bản đến Ban kiểm soát và HĐQT để trình ĐHĐCĐ gần nhất bầu thay thế.
3. Thành viên Ban kiểm soát đương nhiên bị mất tư cách khi xảy ra một trong các trường hợp như thành viên HĐQT được quy định tại điều 41 của Bản điều lệ này.
4. Trong trường hợp khuyết chức danh Trưởng ban kiểm soát thì một trong hai thành viên còn lại của Ban kiểm soát sẽ tạm thay thế.
5. Trường hợp khuyết thành viên ban kiểm soát mà thành viên còn lại không có chuyên môn về tài chính kế toán thì HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để bầu bổ sung.

<sup>36</sup> Theo điều 88 và 90 - Luật DN

**Điều 51 : Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát .**

1. Trưởng ban kiểm soát có trách nhiệm phân công các thành viên còn lại phụ trách từng loại công việc kiểm soát.
2. Mỗi thành viên dưới sự chỉ đạo và phân công của Trưởng ban kiểm soát, có trách nhiệm và quyền hạn như nhau (theo điều 88 và 89 Luật Doanh nghiệp) :
  - a/ Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; trong ghi chép sổ sách kế toán, các báo cáo tài chính và các sổ sách quan trọng khác như: sổ danh sách cổ đông, sổ ghi biên bản họp ĐHĐCĐ, họp HĐQT và kiến nghị xử lý, khắc phục các sai phạm (nếu có).
  - b/ Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, năm của Công ty; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.
    - Khi các thành viên Ban kiểm soát thấy cần thiết.
    - Khi có quyết định của ĐHĐCĐ.
    - Khi có yêu cầu của HĐQT.
    - Khi có yêu cầu của nhóm cổ đông đa số.
  - c/ Việc kiểm tra quy định tại các điểm a và b nêu trên không được gây cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không được gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.
  - d/ Thường xuyên báo cáo với HĐQT về kết quả hoạt động kiểm soát; tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị với ĐHĐCĐ.
  - e/ Báo cáo với ĐHĐCĐ :
    - Về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ, lập sổ kế toán, báo cáo tài chính và các báo cáo khác.
    - Về tính trung thực, hợp pháp, tính tuân thủ điều lệ trong việc ban hành các quy chế, các quyết định quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.
  - f/ Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

- g/ Được quyền yêu cầu HĐQT, từng thành viên HĐQT, Giám Đốc và các cán bộ quản lý khác trong công ty cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu, số liệu và giải trình về các hoạt động kinh doanh của Công ty.
  - h/ Tham dự các cuộc họp HĐQT, phát biểu ý kiến và có những ý kiến đề xuất nhưng không được tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của HĐQT thì Ban kiểm soát có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước ĐHĐCĐ gần nhất.
  - i/ Báo cáo với ĐHĐCĐ về những sự kiện tài chính bất thường, những ưu khuyết điểm trong quản lý tài chính của HĐQT, Giám đốc và các ý kiến độc lập của mình; chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình. Nếu biết sai phạm mà không báo cáo thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thiệt hại (nếu có).
  - j/ Ban kiểm soát có quyền yêu cầu HĐQT họp phiên bất thường hoặc yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường.
  - k/ Ban kiểm soát, từng thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty cho người khác ngoài quy định điều lệ này.
  - l/ Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ này.
3. Sau ĐHĐCĐ thành lập, Ban kiểm soát bắt đầu tiến hành kiểm soát ngay quá trình triển khai và hoàn tất thủ tục thành lập công ty cho đến khi đăng ký kinh doanh xong và Công ty đi vào hoạt động chính thức.

### Mục 5 : QUY ĐỊNH CHUNG ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

#### Điều 52 : Nghĩa vụ của người quản lý công ty<sup>37</sup>

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao trung thực, cần mẫn, gắn bó, quan tâm đến mọi hoạt động chung của Công ty vì lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty.
2. Không được lạm dụng địa vị, quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác; không được đem tài sản của Công ty cho người khác; không được đặt mình vào vị thế làm hạn chế khả năng gây mâu thuẫn giữa lợi ích của Công ty và lợi ích cá nhân.
3. Không được lợi dụng chức vụ để hưởng những lợi thế cá nhân về tài chính hoặc có hành động làm thiệt hại lợi ích của Công ty, hoặc chiếm đoạt các cơ hội kinh doanh đã thuộc về Công ty.
4. Không được hành động vượt quá các quyền hạn đã được quy định trong bản điều lệ này.
5. Không được tiết lộ các bí mật của Công ty, trừ trường hợp được HĐQT chấp thuận hay khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, thì :

- a/ Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả các chủ nợ biết.
- b/ Không được tăng tiền lương, không được chi trả tiền thưởng cho công nhân viên của Công ty kể cả người quản lý.

<sup>37</sup> Theo điều 86 – Luật DN

c/ Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b nêu trên.

d/ Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty.

7. Các nghĩa vụ khác do pháp luật và điều lệ này quy định.

**Điều 53 : Các trường hợp đặc biệt<sup>38</sup>**

1. Các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty ký với các đối tượng:

- a/ Những người quản lý công ty;
- b/ Cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết;
- c/ Những người có liên quan<sup>39</sup> với đối tượng a và b.

Chỉ được ký kết theo quy định sau đây :

Hợp đồng có giá trị tính theo % giá trị tài sản ghi trên sổ kế toán công ty	Cấp có quyền chấp thuận trước khi ký hợp đồng	Điều kiện ràng buộc
A. Trên 20%	ĐHĐCĐ	Cổ đông hoặc cổ đông có người liên quan là bên ký hợp đồng, không có quyền biểu quyết.
B. Bằng hoặc dưới 20%	HĐQT	Thành viên HĐQT hoặc thành viên HĐQT có người liên quan là bên ký hợp đồng, không có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp các hợp đồng nói trên được ký mà chưa có sự chấp thuận của ĐHCĐ hay HĐQT thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Công ty phải chịu trách nhiệm bồi thường.

<sup>38</sup>Theo điều 87 – Luật DN

<sup>39</sup> Theo điều 3 – Luật DN – “Người có liên quan” là DN mẹ, DN con và người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định...vợ, chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột của người quản lý DN, thành viên của Công ty, cổ đông có cổ phần chi phối.



## CHƯƠNG V TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

### Điều 54: Tổ chức Đảng – Công đoàn – Đoàn thanh niên<sup>40</sup>

- Các tổ chức chính trị: Đảng Cộng Sản Việt Nam, Công đoàn Việt Nam, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và điều lệ của tổ chức đó.
- Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của tổ chức mình.

#### A- Tổ chức Đảng

1. Chi bộ Đảng Công ty là tổ chức chính trị, lãnh đạo trực tiếp Đoàn Thanh niên và Công đoàn công ty. Đảng bộ Công ty tham gia sinh hoạt và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng ủy khối Doanh nghiệp tỉnh Bình Dương.
2. Hoạt động của Đảng bộ Công ty phải chấp hành đúng những quy định của pháp luật hiện hành, chấp hành Điều lệ Đảng và nghị quyết của Đảng các cấp; được Công ty tạo điều kiện thuận lợi trong sinh hoạt.
3. Đảng bộ Công ty có trách nhiệm và quyền hạn sau:
  - Yêu cầu HĐQT Công ty, Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty chấp hành đúng pháp luật hiện hành.
  - Phổ biến chủ trương chính sách của Đảng đến từng CB.CNV lao động trong Công ty.
  - Bồi dưỡng giới thiệu CB.CNV của Công ty thành những Đảng viên ưu tú, có khả năng đáp ứng được yêu cầu công việc cũng như sự phát triển của Công ty, đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước.

#### B. Công Đoàn

1. Công Đoàn cơ sở Công ty là tổ chức chính trị xã hội, là tổ chức đại diện cho người lao động bảo vệ quyền lợi hợp pháp và chính đáng của người lao động trong Công ty. Công đoàn Công ty cổ phần Lâm sản & XNK Tổng hợp Bình Dương do Công Đoàn Cấp trên chỉ đạo hoạt động.
2. BCH Công Đoàn cơ sở Công ty do Đại hội đại biểu công đoàn bầu lên.
3. Hoạt động của Công đoàn cơ sở Công ty phải tuân theo những quy định của pháp luật hiện hành và tuân theo nội quy lao động của Công ty.
4. Công Đoàn cơ sở Công ty có quyền thành lập các Công đoàn bộ phận trực thuộc, được hội hợp đúng theo quy định của pháp luật hiện hành, được Công ty tạo điều kiện thuận lợi để Công đoàn hoạt động.
5. Công đoàn cơ sở Công ty có trách nhiệm và quyền hạn sau đây :
  - Tổ chức Đại Hội Công Đoàn theo quy định điều lệ.

<sup>40</sup> Theo điều 5 – Luật DN

- Đại diện người lao động ký kết thỏa ước lao động tập thể với Công ty.
- Kiểm tra giám sát an toàn lao động, vệ sinh lao động và kiểm tra việc chấp hành pháp luật lao động tại Công ty cổ phần.
- Tham gia xây dựng nội quy lao động, tham gia xử lý kỷ luật lao động đối với người lao động, tham gia giải quyết khiếu nại tố cáo của người lao động và giải quyết tranh chấp lao động.
- Kết hợp cùng Giám đốc Công ty tìm biện pháp để nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động.
- Tổ chức các hoạt động thi đua lao động sản xuất, tăng năng suất chất lượng hiệu quả tại Công ty. Tổ chức và chỉ đạo hoạt động của ủy ban kiểm tra Công đoàn.
- Cán bộ Công đoàn tham gia phụ trách kiêm nhiệm công tác Công đoàn được hưởng phụ cấp lương theo sự thỏa thuận giữa đoàn viên Công đoàn và HĐQT Công ty.

**C- Đoàn Thanh niên**

1. Đoàn thanh niên Công ty là tổ chức chính trị xã hội, hoạt động dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng bộ Công ty, là tổ chức bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thanh niên. Ngoài ra, hoạt động của Đoàn thanh niên Công ty còn chịu sự chỉ đạo của Đoàn cơ sở Cấp trên.
2. Hoạt động của Đoàn Thanh niên trong Công ty phải chấp hành đúng theo luật định, đúng Điều lệ Đoàn và được Công ty tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động.
3. Trách nhiệm và quyền hạn của Đoàn Thanh niên :
  - Vận động, giáo dục thanh niên sống và làm việc theo pháp luật, chấp hành đúng Điều lệ Đoàn và nội quy lao động của Công ty cổ phần.
  - Khuyến khích, giúp đỡ đoàn viên thanh niên học tập nâng cao trình độ văn hóa, tay nghề, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu công việc của Công ty.
  - Phối hợp với Công Đoàn tổ chức các hoạt động thi đua, vui chơi giải trí cho đoàn viên thanh niên, người lao động trong Công ty.

**Điều 55 : Người lao động .**

Người lao động là người làm công ăn lương của Công ty.

1. **Chế độ tuyển dụng:** việc tuyển dụng lao động và trả lương thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa Giám đốc (hoặc người được Giám đốc ủy quyền) và người lao động phù hợp với quy định của pháp luật và theo điều lệ này.
2. **Người lao động có trách nhiệm và quyền hạn sau :**
  - a/ Chấp hành đúng nội quy lao động của công ty, bao gồm :
    - Chấp hành đúng thời gian làm việc và thời gian nghỉ ngơi.
    - Chấp hành đúng những quy định về an toàn lao động và vệ sinh lao động, quy định phòng cháy chữa cháy.

- Bảo đảm quy định ra vào cổng, trật tự trong Công ty.
  - Chấp hành sự phân công lao động của công ty;
  - Bảo vệ tài sản, bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh của công ty;
  - Làm việc với tinh thần trách nhiệm theo phạm vi công việc được giao.
- b/ Quyền lợi của người lao động làm việc tại Công ty cổ phần :
- Được ký kết hợp đồng lao động.
  - Được trả lương theo đúng nội dung của hợp đồng lao động và theo luật định.
  - Được tạo điều kiện thuận lợi trong lao động và học tập.
  - Được bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế lao động trong quá trình làm việc.
  - Được quyền khiếu nại và tranh chấp trên hợp đồng lao động.
  - Và các quyền và nghĩa vụ khác theo luật định và điều lệ này.

## CHƯƠNG VI CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN - LẬP QUỸ

**Điều 56: Hạch toán kế toán – tài chính.**

1. Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự quản về tài chính, tự cân đối các khoản thu chi, có trách nhiệm bảo toàn và làm sinh lợi các nguồn vốn của Công ty.
2. Trách nhiệm vật chất của Công ty trong các mối quan hệ kinh tế cũng như quan hệ dân sự được giới hạn ở mức vốn điều lệ của Công ty công bố mỗi khi có sự thay đổi.
3. Công ty phải tuân thủ mọi chế độ kế toán, thống kê và lập sổ sách báo cáo theo đúng luật định hiện hành.
4. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, chính thức đi vào hoạt động và kết thúc vào 31/12 năm đó.
5. Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Giám đốc phải hoàn thành các báo cáo tài chính và gửi đến HĐQT, Ban kiểm soát để xem xét, chuẩn bị họp ĐHCĐ.
6. HĐQT và Ban Kiểm soát có trách nhiệm trình ĐHCĐ các tài liệu về tài chính của Công ty, gồm :
  - a/ Các báo cáo tài chính: bảng kiểm kê tài sản, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, bảng lưu chuyển tiền mặt, các bảng giải trình thuyết minh phân tích tình hình tài chính của Công ty.
  - b/ Báo cáo thẩm tra của Ban kiểm soát về các báo cáo tài chính.
  - c/ Thư xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập về tài chính Công ty (nếu có).

72  
TY  
IN  
VA  
KH  
OP  
JNG  
BIN



- d/ Các phương án xử lý lỗ hoặc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, mức trả cổ tức.
7. Sau ĐHĐCĐ, các văn bản này và biên bản ĐHĐCĐ và tất cả các chứng từ có liên quan phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty với thời gian theo quy định của Nhà nước về lưu giữ chứng từ kế toán .

**Điều 57: Đối tượng và những nguyên tắc đầu tư.**

Công ty phải tập trung các nguồn vốn có khả năng huy động được để đầu tư vào các đối tượng và theo những nguyên tắc sau đây :

1. Đầu tư vào các dự án phát triển sản xuất của Công ty trong lĩnh vực ngành nghề đã đăng ký và những ngành nghề mở rộng được luật pháp cho phép, công nghệ hiện đại và một số ngành theo mục tiêu hoạt động của Công ty đã đăng ký kinh doanh.
2. Công ty được đầu tư tạm thời vào các loại chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu) do các tổ chức khác phát hành để tránh biến động vốn nhưng chỉ trong phạm vi 10% tổng giá trị tài sản của Công ty trên sổ sách kế toán Công ty – không kể các cổ phần chi phối của Công ty trong các doanh nghiệp khác để thực hiện chiến lược mở rộng kinh doanh của Công ty.

**Điều 58 : Phân cấp quyền hạn tài chính.**

Trong hoạt động sử dụng vốn, đầu tư trực tiếp hay gián tiếp, mua sắm tài sản, ký kết hợp đồng kinh doanh, quan hệ tín dụng (vay, cho vay, mua, bán hàng trả chậm, thuê tài chính) giữa Công ty với các đối tác bên ngoài Công ty phải tuân theo nguyên tắc phân cấp quyền hạn sau :

Quy mô sử dụng vốn tính bằng tỉ lệ % trên giá trị tài sản ghi trong sổ kế toán công ty	Thẩm quyền quyết định
Dưới 50%	Theo quyết định và ủy nhiệm của HĐQT
Từ 50% trở lên	Phải có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ

Việc ký kết các hợp đồng kinh tế và ủy quyền ký kết theo giới hạn trách nhiệm của Giám đốc, kể cả mua trang thiết bị, vật tư, các chi phí quản lý của Công ty sẽ được HĐQT quy định chi tiết trong quy chế làm việc và phân công chức năng nhiệm vụ của Ban Giám đốc.

**Điều 59 : Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ.**

1. Theo các quy định về chế độ tài chính do Nhà nước ban hành đối với các công ty cổ phần, lợi nhuận của công ty gồm:  
\* Lợi nhuận chung = Tổng thu nhập - Tổng chi phí

- \* Lợi nhuận ròng = Lợi nhuận chung - Thuế thu nhập doanh nghiệp
- 2. Lợi nhuận ròng vào cuối niên khóa đều thuộc quyền sở hữu của cổ đông và do các cổ đông quyết định phân chia tại ĐHĐCĐ. Sau khi trích lập quỹ dự trữ bắt buộc, trích lập quỹ tích lũy tái đầu tư, trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động; Số còn lại được chia cổ tức cho các cổ đông theo số cổ phần.
- 3. HĐQT có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình ĐHĐCĐ quyết định cho từng năm.

**Điều 60 : Xử lý trong trường hợp kinh doanh thua lỗ.**

1. Trong trường hợp công ty kinh doanh bị thua lỗ, ĐHĐCĐ có thể quyết định giải quyết kịp thời theo 2 phương án sau :
  - Trích từ quỹ dự trữ để bù lỗ.
  - Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời ĐHĐCĐ phải quyết định các biện pháp để khắc phục.
2. Trường hợp công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài nhiều năm mà vẫn không khắc phục được bằng biện pháp tài chính cần thiết thì ĐHĐCĐ sẽ xem xét quyết định các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

**Điều 61 : Kiểm toán<sup>42</sup>.**

1. Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được Ban kiểm soát kiểm duyệt xác nhận về tính chính xác, trung thực, hợp pháp và hợp lý, trước khi trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.
- <sup>42</sup> Theo điều 92 - Luật DN
2. Ngoài ra, nếu có yêu cầu của ĐHĐCĐ hoặc của HĐQT, Công ty có thể mời một tổ chức kiểm toán độc lập để tiến hành kiểm toán từng phần hoặc toàn phần các hoạt động của Công ty, tùy theo yêu cầu cụ thể của vụ việc cần kiểm toán; phí tổn kiểm toán do Công ty đài thọ.
  3. Nếu một cổ đông bất kỳ nào muốn mời một tổ chức kiểm toán độc lập khác để tiến hành kiểm toán phúc tra các kết quả kiểm toán nêu ở khoản 2 nói trên, cổ đông này có quyền được mời và tự đài thọ chi phí kiểm toán. Công ty có trách nhiệm hợp tác bằng cách cho phép tổ chức kiểm toán độc lập này tham khảo sổ sách và các tài liệu cần thiết. Nếu kết quả kiểm toán lần trước và lần sau không đồng nhất và xác định lần sau là chính xác thì Công ty có trách nhiệm chi trả chi phí của đợt kiểm toán này.

## CHƯƠNG VII TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, THANH LÝ, TRANH TỤNG

### Điều 62 : Tổ chức lại Công ty<sup>43</sup>.

1. Khi cần thiết, Công ty có thể được tổ chức lại bằng các phương thức theo Luật Doanh nghiệp quy định :
  - a/ Chia doanh nghiệp : Công ty chấm dứt sự tồn tại để chia thành một số Công ty mới cùng loại.
  - b/ Tách doanh nghiệp : Công ty chuyển một phần tài sản, vốn, nợ hiện có để thành lập một số Công ty mới cùng loại; Công ty cũ sẽ tiếp tục tồn tại với phần tài sản, vốn, nợ còn lại.
  - c/ Hợp nhất doanh nghiệp: Công ty chấm dứt sự tồn tại để hợp cùng một hoặc một số Công ty cổ phần khác hình thành một Công ty mới.
  - d/ Sáp nhập doanh nghiệp: Công ty chấm dứt sự tồn tại để sáp nhập vào một Công ty khác – hoặc công ty tiếp tục tồn tại và tiếp nhận các công ty khác sáp nhập vào.
  - e/ Chuyển đổi Công ty : Công ty đang là Công ty cổ phần chuyển thành Công ty trách nhiệm hữu hạn.
2. Thủ tục tiến hành cũng như việc kế thừa quyền và gánh chịu nghĩa vụ khi tổ chức lại Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và văn bản pháp luật có liên quan.
3. HĐQT có trách nhiệm chuẩn bị các phương án tổ chức lại Công ty để trình ĐHĐCĐ quyết định.

<sup>43</sup> Theo điều 105, 106, 107, 108, 109 – Luật DN

### Điều 63 : Giải thể – thủ tục giải thể<sup>44</sup>.

#### A/ Giải thể :

Giải thể Công ty cổ phần là việc chấm dứt sự tồn tại của công ty. Công ty có thể bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

1. Khi hết thời hạn hoạt động theo điều lệ này mà ĐHĐCĐ không có quyết định gia hạn.
2. Khi có lý do chính đáng, HĐQT có thể đề nghị ĐHĐCĐ bất thường để quyết định giải thể Công ty.
3. Công ty không còn đủ 3 cổ đông trong thời hạn 6 tháng liên tục.
4. Tòa án và cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty.
5. Trường hợp Công ty bị lỗ đến  $\frac{3}{4}$  vốn điều lệ, mọi cổ đông đều có quyền yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để xem xét và quyết định việc giải thể Công ty.

**B/ Thủ tục giải thể**

1. Quyết định giải thể Công ty phải được thông qua theo quy định và có đầy đủ các nội dung :
  - Tên, trụ sở Công ty.
  - Lý do giải thể.
  - Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Công ty , thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá 6 tháng kể từ ngày thông qua quyết định giải thể.
  - Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động.
  - Thành lập Hội đồng thanh lý tài sản, quyền và nhiệm vụ của tổ thanh lý tài sản được quy định kèm theo Quyết định giải thể.
  - Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.
2. Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua, Quyết định giải thể được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh, tất cả các chủ nợ (kèm theo thông báo về phương án giải quyết công nợ, có đầy đủ tên, địa chỉ của chủ nợ, số nợ, thời hạn, địa điểm và các thức thanh toán nợ, cách thức, thời hạn khiếu nại của chủ nợ về công nợ đó), người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan, người lao động trong Công ty, Quyết định giải thể được niêm yết công khai tại trụ sở Công ty và đăng trên báo địa phương hoặc báo hàng ngày trung ương trong 3 số liên tiếp.
3. Công ty tiến hành thanh lý tài sản và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp.
4. Công ty gửi hồ sơ về giải thể doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Pháp luật trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ khi thanh toán hết nợ.  
<sup>44</sup>Theo điều 111 , 112 - Luật DN
5. Trường hợp Công ty bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp tiến hành giải thể trong thời gian 6 tháng theo đúng trình tự và quy định nêu tại Điều lệ này.

**Điều 64: Hội đồng thanh lý .**

1. Khi có quyết định giải thể công ty, ĐHĐCĐ sẽ lập hội đồng thanh lý thay thế HĐQT để cùng Ban kiểm soát làm nhiệm vụ thanh lý công ty theo thời gian quy định và theo thể lệ tài chính hiện hành.
2. Trong thời gian thanh lý, các thành lý viên và Ban kiểm soát có quyền đề nghị triệu tập ĐHĐCĐ để xử lý các vấn đề xét thấy cần phải có quyết định của ĐHĐCĐ.
3. Nhiệm vụ của Hội đồng thanh lý :
  - a/ Thanh lý hợp đồng của Công ty đã ký kết với các cá nhân và tổ chức khác.
  - b/ Thu hồi tất cả tài sản của Công ty.

- c/ Kiểm tra đánh giá lại toàn bộ tài sản của Công ty và kêu gọi đấu giá bán các tài sản đó.
- d/ Thanh toán mọi khoản nợ của Công ty.
- e/ Chia phần tài sản còn lại (đã quy ra thành tiền đồng Việt Nam) cho các cổ đông theo tỉ lệ số cổ phần nắm giữ.

**Điều 65: Tố tụng, tranh chấp .**

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại giữa cổ đông với nhau, giữa cổ đông với Công ty hoặc với cán bộ quản lý Công ty có liên quan đến hoạt động quản lý Công ty hay quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông hoặc Công ty theo quy định của Điều lệ này và pháp luật, thì trước tiên các bên giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp không hòa giải được thì các bên có quyền đưa vụ tranh chấp ra tòa án có thẩm quyền hoặc trọng tài kinh tế giải quyết.
2. Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như trong thời gian thanh lý, mọi quyết định xử lý các tranh tụng liên quan đến Công ty đều thuộc thẩm quyền của cơ quan chức năng Nhà nước theo luật định.
3. Mọi cổ đông đều có quyền khiếu nại đòi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ thành viên nào trong Công ty gây ra. Nếu HĐQT bỏ qua không xử lý thì các cổ đông có thể cử đại diện đứng đơn khiếu nại trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

**CHƯƠNG VIII**

**ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG & CÁC QUY ĐỊNH KHÁC**

**Điều 66: Điều khoản thi hành.**

Công ty được chính thức hoạt động khi ĐHĐCĐ thành lập đã làm đủ các thủ tục sau đây :

1. Xác nhận danh sách cổ đông đã đăng ký mua hết cổ phần đã phát hành và đã đóng đủ tiền theo quy định Nhà nước hoặc có các tổ chức tài chính bảo lãnh bao tiêu hết số cổ phần còn lại.
2. ĐHĐCĐ đã thảo luận và thông qua toàn bộ các điều khoản trong bản điều lệ.
3. Đã bầu HĐQT, Ban kiểm soát và họ đã nhận nhiệm vụ.
4. Đã giao quyền quản trị công ty cho HĐQT.
5. Hoàn tất các thủ tục với cơ quan Nhà nước theo Luật pháp hiện hành.
6. Được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

**Điều 67: Sửa đổi bổ sung điều lệ.**

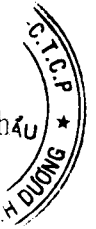
Việc sửa đổi bổ sung bản điều lệ này phải được ĐHĐCĐ thông qua. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được nêu trong bản điều lệ này sẽ do luật doanh nghiệp chi phối.

**Điều 68: Con dấu.**

1. Con dấu của Công ty được khắc theo mẫu quy định thống nhất của Bộ Công an. Trước khi sử dụng con dấu phải được đăng ký tại cơ quan Công an có thẩm quyền, cơ quan đăng ký kinh doanh và các ngân hàng thương mại nơi công ty có tài khoản giao dịch.
2. Tất cả các văn bản của Công ty khi công bố chính thức phải có con dấu của Công ty trên các chữ ký hoặc của Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐQT – hoặc của Trưởng Ban kiểm soát – hoặc của Giám Đốc, Phó Giám Đốc công ty. Chữ ký của các chức danh khác trong công ty không được sử dụng con dấu.
3. HĐQT giao Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 69: Đăng ký điều lệ.**

1. Bản điều lệ này có 8 chương, 69 điều; được ĐHCĐ thành lập Công ty thông qua từng điều, từng chương và chấp thuận toàn bộ vào ngày 07 tháng 4 năm 2006. Các cá nhân và các tổ chức có liên quan thuộc đối tượng áp dụng của điều lệ này phải có trách nhiệm thực hiện theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
2. Điều lệ này được lập thành 10 bản và có giá trị ngang nhau, trong đó :
  - 01 bản nộp tại phòng công chứng nhà nước tỉnh Bình Dương.
  - 04 bản đăng ký tại các cơ quan theo luật định.
  - 05 bản lưu giữ tại văn phòng Công ty.
3. Các bản trích hay bản sao phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc của 02 thành viên trong HĐQT hoặc sao y của cơ quan công chứng mới có giá trị./.



**Chữ ký của cổ đông sáng lập**

1. Nguyễn Lệ Hằng

2. Lê Hồng Thanh

3. Phạm Minh Tâm

4. Nguyễn Thị Kim Nên

5. Tăng Phương

6. Lê Trương Quang Trung

7. Nguyễn Minh Dương

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày.....Tháng.....Năm 20.....

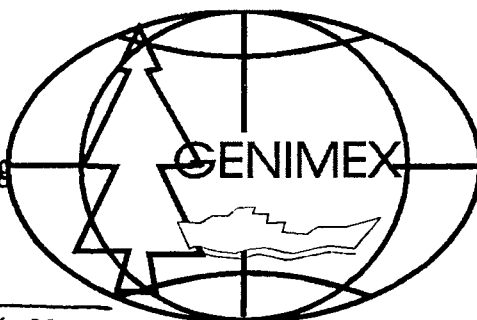
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc



-----oOo-----

Lê Trương Quang Trung



SCIC Chi nhánh phía Nam
ĐẾN 30-05-2016
Số CV đến:.....1118.....



# ĐIỀU LỆ

## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM SẢN & XNK TỔNG HỢP BÌNH DƯƠNG

(SỬA ĐỔI LẦN THỨ 4)

04/2016

Số 612 Đại lộ Bình Dương - Phường Hiệp thành

Thành phố Thủ Dầu Một - Tỉnh Bình Dương

Tel : 0650.3822612 – Fax: 0650.3824113

Website: [www.genimex.com.vn](http://www.genimex.com.vn)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005.
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần Lâm sản và XNK Tổng hợp Bình Dương
- Căn cứ Điều VII, Nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016, ngày 28/04/2016, V/v thông qua các vấn đề sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Lâm sản và Xuất nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương

**I- Sửa đổi mục d, Khoản 1, Điều 1 : Giải thích thuật ngữ**

**1- Điều lệ chưa sửa đổi:**

**Điều 1: Giải thích thuật ngữ**

1. Trong Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a....

b....

.

....

d. “Cán bộ quản lý” là Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành, phó giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng, phó các bộ phận trực thuộc và giám đốc các xí nghiệp trực thuộc

....

**2- Điều 1 sửa đổi như sau:**

**Điều 1: Giải thích thuật ngữ**

1. ....

a.....

b.....

c.....

***d. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty***



**II- Sửa đổi Mục 1, Khoản 2, Điều 27 : Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

**1- Điều lệ chưa sửa đổi:**

**Điều 27 : Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. ...

2. ....

a. ....

b. ....

.....

1. Quyết định giao dịch bán số tài sản của Công Ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua, có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty và các chi nhánh của công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

.....

3. ....

4. ....

**Điều 27 sửa đổi như sau:**

1. ...

2. ....

a. ....

b. ....

.....

1. *Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản của Công Ty do Công Ty thực hiện, có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất*

.....

3. ....

4. ....

**III- Sửa đổi Khoản 1; 2; 3, Điều 30 : Các điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông**

**1- Điều lệ chưa sửa đổi:**

**Điều 30: Các điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông**

1. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành khi có số Cổ Đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại Hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ nhất. Đại Hội Đồng Cổ Đông được triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các Cổ Đông và những đại diện ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết
3. Trường hợp đại hội lần hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định đại hội lần thứ hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. ....

**2- Điều 30 sửa đổi như sau:**

**Điều 30: Các điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông**

1. *Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành khi có số Cổ Đông và Người Được Ủy Quyền Dự Họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty tham dự.*
2. *Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định tại khoản 1, Điều 30 nêu trên trong vòng sáu mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp phải hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được triệu tập lại chỉ được coi là hợp lệ khi có thành viên tham dự là các Cổ Đông và những Người Được Ủy Quyền Dự Họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty."*
3. *Trường hợp đại hội lần hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo khoản 2, Điều 30 nêu trên trong vòng 60 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định đại hội lần thứ hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.*

4. ...

**IV- Sửa đổi Khoản 2; khoản 3 và khoản 5, Điều 32 : Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

**1- Điều lệ chưa sửa đổi:**

**Điều 32: Thông qua quyết định của Đại Hội đồng cổ đông**

1. ...

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3b của điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông

a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm

b. Kế hoạch ngắn và dài hạn của công ty

c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành

3. Quyết định Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

a. Được số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định

b. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty và các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản của công ty và các chi nhánh công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông

c. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát, và Cổ Đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4....

5. Trường hợp thông qua Quyết định dưới hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản thì quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

**2- Điều 32 sửa đổi như sau:**

**Điều 32: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. ...

2. **Quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông khi thuộc một trong các trường hợp sau:**

a. **Được số Cổ Đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các Cổ Đông dự họp chấp thuận, ngoại trừ các trường hợp nêu tại điểm b và điểm c dưới đây.**

b. **Các quyết định về các vấn đề sau đây được thông qua khi được số Cổ Đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các Cổ Đông dự họp chấp thuận:**

i. **Sửa đổi và bổ sung Điều lệ.**

ii. **Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;**

iii. **Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;**

iv. **Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty;**

v. **Dự án đầu tư, giao dịch bán tài sản do Công Ty thực hiện, có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất; và**

vi. **Tổ chức lại, giải thể Công Ty.**

c. **Việc biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát, và Cổ Đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc thành viên Ban Kiểm Soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cần bầu cuối cùng, Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ tiến hành bầu tiếp trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc quyết định lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế Bầu cử.**

4. ...

5. **Trường hợp thông qua Quyết định dưới hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản thì quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.**

V- **Sửa đổi Khoản 7, Điều 37 : Quyền hạn của Hội đồng quản trị**

1- **Điều lệ chưa sửa đổi:**

**Điều 37: Quyền hạn của Hội đồng quản trị**

1. ...

2. ...

3. ...

4. ...

....

7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3, điều 120 của Luật Doanh nghiệp

....

**2- Điều 37 sửa đổi như sau:**

**Điều 37: Quyền hạn của Hội đồng quản trị ...**

1. ...

2. ...

3. ....

4. ....

.....

**7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; Thông qua Hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 135; khoản 1 và khoản 3, Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2014.**

....

**VI- Sửa đổi Khoản 4, Điều 48 : Ban kiểm soát**

**1- Điều lệ chưa sửa đổi:**

**Điều 48: Ban kiểm soát**

1. ...

2. ...

3. ...

4. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một thành viên trong số họ làm trưởng ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa thành viên thường trú tại Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên

**2- Điều 48 sửa đổi như sau:**

**Điều 48: Ban kiểm soát**

1. ...

2. ...

3. ....

4. **Các thành viên Ban kiểm soát bầu một thành viên trong số họ làm trưởng ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa thành viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.**

5.

6. ....

**VII- Sửa đổi Khoản 1; khoản 2, Điều 54 : Các trường hợp đặc biệt**

**1- Điều lệ chưa sửa đổi:**

**Điều 32: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc hội đồng quản trị chấp thuận:

a. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông có sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ.

b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

c. Doanh nghiệp quy định tại điểm a và điểm b, khoản 1, Điều 118 Luật Doanh nghiệp

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo, nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày niêm yết. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

.....

**2- Điều 54 sửa đổi như sau:**

**Điều 32: Các trường hợp đặc biệt**

1. **Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc hội đồng quản trị chấp thuận:**

a. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông có sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ.

b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

c. Doanh nghiệp quy định tại khoản 2, Điều 159 Luật Doanh nghiệp 2014

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng và giao dịch đó, đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

....

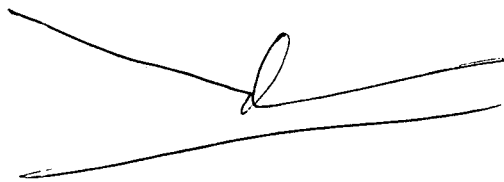
**VIII-** Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm sản và XNK Tổng hợp Bình Dương có 08 (tám) Chương và 72 (Bảy mươi hai) Điều. Và đã được sửa đổi 03 lần. Ngoài mục d, khoản 1, Điều 1; mục 1, khoản 2, Điều 27; khoản 1, khoản 2, khoản 3, Điều 30; khoản 2, khoản 3, khoản 5, Điều 32; khoản 7, Điều 37; khoản 4, Điều 48; khoản 1, khoản 2 Điều 54 được sửa đổi theo sự thống nhất của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 diễn ra chính thức và hợp lệ ngày 28 tháng 04 năm 2016, thì các Mục, Khoản, Điều, Chương khác không thay đổi. Các cá nhân và các tổ chức có liên quan thuộc đối tượng áp dụng bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Lâm sản và Xuất nhập khẩu tổng hợp Bình Dương có trách nhiệm thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại bản Điều lệ này

Bản Sửa đổi lần thứ 4 (bốn) này được lập thành 10 bản và có giá trị như nhau. Và là một bộ phận không tách rời của Bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Lâm sản và Xuất nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 chính thức và hợp pháp thông qua ngày 28 tháng 04 năm 2016. Trong đó : 06 (sáu) bản chính thức đăng ký tại các cơ quan theo Luật định và 04 (bốn) bản lưu tại văn phòng Công ty Cổ phần Lâm sản và Xuất nhập khẩu tổng hợp Bình Dương

**IX- Chữ ký của Hội đồng quản trị**

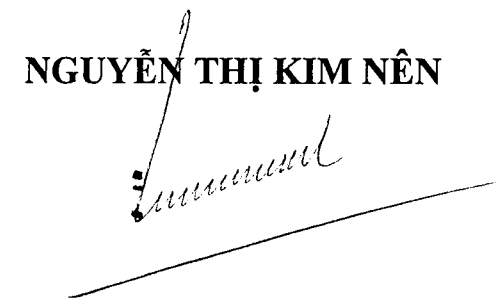
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**NGUYỄN LỆ HẰNG**



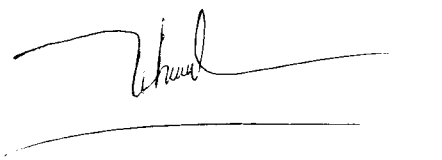
---

**NGUYỄN THỊ KIM NÊN**



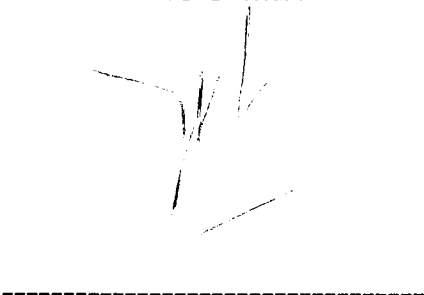
---

**CHU THỊ PHƯƠNG ANH**



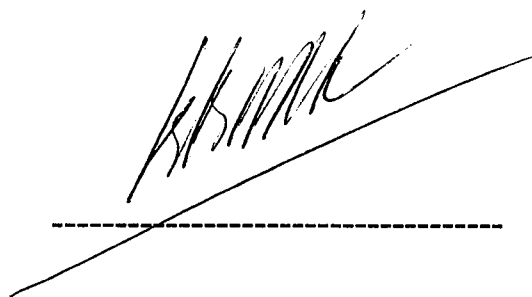
---

**MAI HỮU TÍN**



---

**LÊ TRƯỞNG QUANG TRUNG**



---

**DẤU CÔNG TY**



C. P. B. D. U. O. N. G. ★